



CTCP CHỨNG KHOÁN ALPHA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

MỤC LỤC

PHẦN 1: MỞ ĐẦU	03
• THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04
• NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT NĂM 2023	05
• TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI	07
PHẦN 2: TỔNG QUAN	09
• THÔNG TIN DOANH NGHIỆP	11
• LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN	13
• MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC BỘ MÁY	15
• ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	17
• CÁC RỦI RO	18
PHẦN 3: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2023	21
• KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023	23
• TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	25
• TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	29
• CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	30
PHẦN 4: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	31
• ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023	33
• NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ	37
• TRIỂN VỌNG KINH DOANH NĂM 2024	39
• KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024	40

PHẦN 5: BÁO CÁO CỦA HĐQT	41
• ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	42
• ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY	44
• KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT	46
PHẦN 6: QUẢN TRỊ CÔNG TY	47
• HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	49
• BAN KIỂM SOÁT	51
• ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY	52
PHẦN 7: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	53
• MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	54
• CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	55
• HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	57
PHẦN 8: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023	63



01.

MỞ ĐẦU

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Lưu Hồng Huệ



THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý vị,

Kinh tế Việt Nam năm 2023 với những nỗ lực “vượt cơn gió ngược” đã đạt nhiều thành tựu nổi bật. Môi trường chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam đang có nhiều thay đổi, trong ngắn hạn đang đối mặt với nhiều khó khăn, bất ổn và cả rủi ro, đòi hỏi Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA (Chứng khoán Alpha) phải thận trọng, chú trọng hơn vào yếu tố ổn định, an toàn trong các hoạt động kinh doanh.

Trên quan điểm đó, giai đoạn 2024-2026, Chứng khoán Alpha xác lập chiến lược phát triển là “Chinh phục thử thách – Vững vàng đỉnh cao”. Chúng tôi sẽ tiếp tục chú trọng hơn đến công tác chăm sóc khách hàng hiện hữu và phát triển khách hàng mới, thúc đẩy hoạt động kinh doanh của các chi nhánh với vai trò như cánh tay nối dài của Chứng khoán Alpha, nhằm khai thác có hiệu quả lợi thế về mạng lưới hoạt động ở các địa bàn kinh tế phát triển.

Trong năm 2024, chúng tôi tập trung các nguồn lực đẩy mạnh các dự án công nghệ số gắn liền với việc đa dạng, nâng cao chất lượng và tính tiện ích của các sản phẩm, dịch vụ để phục vụ tốt hơn các nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng sẽ tiếp tục củng cố và tăng cường chất lượng đội ngũ nhân sự, nỗ lực ổn định nguồn vốn đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị rủi ro.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý khách hàng, Quý nhà đầu tư và đối tác đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Công ty Chứng khoán Alpha trong suốt thời gian qua và mong muốn tiếp tục hợp tác, đồng hành với Quý khách hàng, nhà đầu tư, đối tác trong thời gian tới để chúng ta cùng nhau kiến tạo nên những giá trị bền vững, hướng đến tương lai phồn vinh và thịnh vượng!

Chúc Quý vị ngày càng phát triển và thành công!

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lưu Hồng Huệ

NHỮNG CON SỐ NỔI BẬT NĂM 2023



Vốn điều lệ (tại ngày 31/12/2023)

527.574.600.000 VNĐ

Tổng tài sản

588.055.259.910 VNĐ

(tại ngày 31/12/2023)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

529.354.450.000 VNĐ

(tại ngày 31/12/2023)

Quy mô mạng lưới

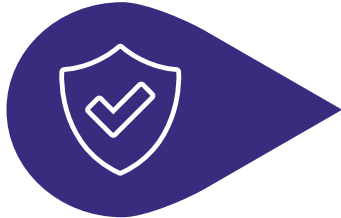
03 CHI NHÁNH



TẦM NHÌN

Nỗ lực trở thành một trong những công ty chứng khoán tiên phong trên thị trường chứng khoán

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

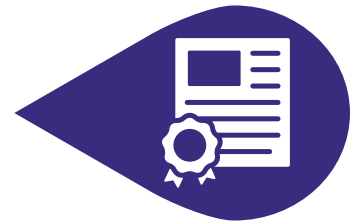


Trung thực

Chuyên nghiệp



Cống hiến



SỨ MỆNH

Cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, hiện đại, toàn diện cho khách hàng



02.

TỔNG QUAN



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP



- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha**
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán: **Số 44/UBCK-GPHDKD** do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006. Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 102/GPĐC-UBCK ngày 18/12/2023.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: **Số 0103015116** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/12/2006.
- Hiện Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha có 1 trụ sở chính tại Hà Nội, 3 chi nhánh lần lượt tại Hải Phòng, Nha Trang, TP. Hồ Chí Minh.

VỐN ĐIỀU LỆ **527.574.600.000 VNĐ**

VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU **529.354.450.000 VNĐ**

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

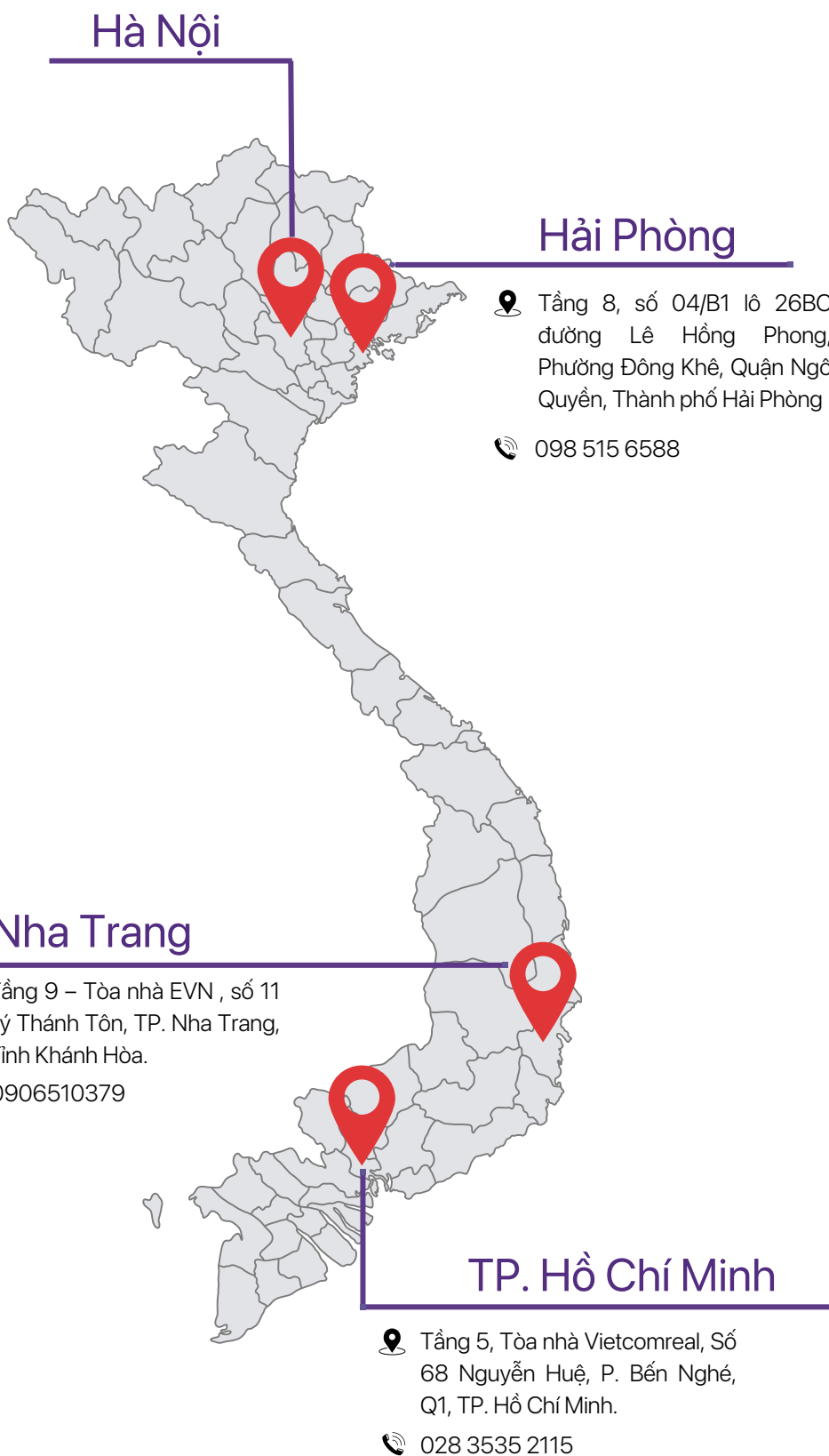
Trụ sở chính tại Hà Nội

 Tầng 1, 1A, 2 số 389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội

 +84 24 3933 4666

 +84 24 3933 4668

 <https://apsc.vn>



LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số 44/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006.

2006

2020

01/2020: Thực hiện tái cấu trúc toàn diện, từ cơ sở hạ tầng đến nghiệp vụ kinh doanh, từ nhân sự đến bộ máy hoạt động.

07/2020: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 40/GPĐC-UBCK ngày 16/7/2020.

10/2020: Thành lập văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh

11/2020: Vận hành Hệ thống phần mềm lõi giao dịch chứng khoán mới với đầy đủ, toàn diện các chức năng, tiện ích phục vụ đa dạng nhu cầu khách hàng.





01/2021: Chứng khoán Alpha cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến theo quyết định số 36/QĐ UBCK ngày 26/01/2021

05/2021: Chào bán thành công hơn 11 triệu cổ phiếu để tăng vốn điều lệ

06/2021: Chứng khoán Alpha tăng vốn điều lệ lên 175.858.200.000 (Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 10/06/2021)

09/2021: Chứng khoán Alpha cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ (Quyết định 597/QĐ-UBCK ngày 30/09/2021)

10/2021: Chứng khoán Alpha bổ sung nghiệp vụ Tự doanh chứng khoán (Giấy phép điều chỉnh số 89/GPĐC-UBCK ngày 11/10/2021)

2021

2022

08/2022: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thành lập Chi nhánh tại Hải Phòng theo Quyết định số 546/QĐ – UBCK ngày 03/08/2022. Chứng khoán Alpha tăng vốn điều lệ lên 527.574.600.000 VNĐ (Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK ngày 03/08/2022)

26/09/2022: Được UBCKNN chấp thuận bổ sung nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty Chứng khoán số 89/GPĐC-UBCK ngày 26/09/2022

2023

01/2023: Thành lập chi nhánh Hồ Chí Minh. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thành lập Chi nhánh tại Hồ Chí Minh theo Quyết định số 27/QĐ – UBCK ngày 12/01/2022.

06/2023: Thành lập Chi nhánh tại Nha Trang. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thành lập Chi nhánh tại Nha Trang theo Quyết định số 474/QĐ – UBCK ngày 13/06/2023.

08/2023: Cấp Giấy phép điều chỉnh. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 63/GPĐC-UBCK ngày 11/08/2023.

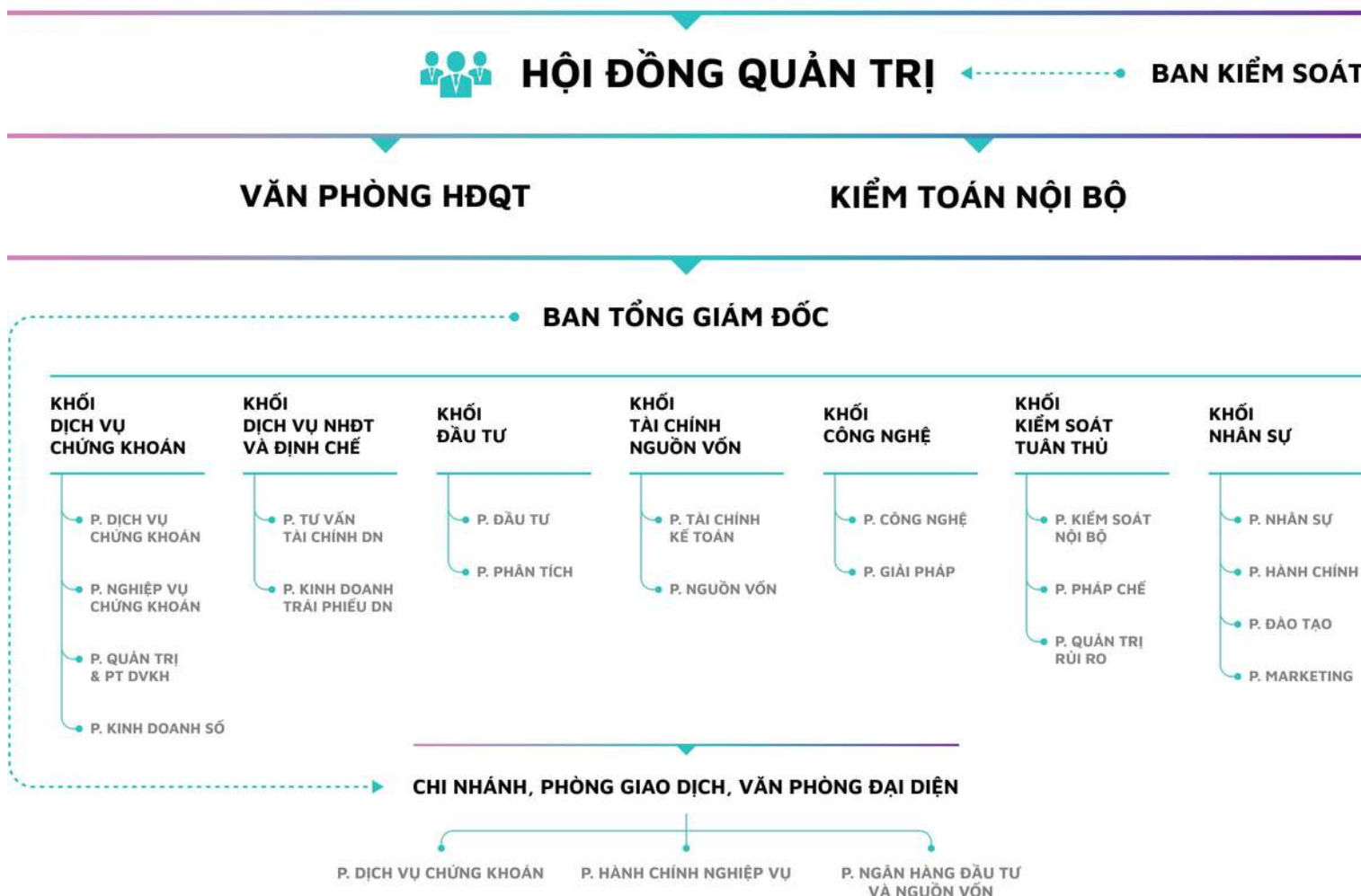


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC BỘ MÁY

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Chứng khoán Alpha hoạt động với mô hình Công ty cổ phần với đầy đủ các cấu phần theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc - ông Nguyễn Anh Trung.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Lấy dịch vụ ngân hàng đầu tư làm nền tảng;
- Thực hiện nghiệp vụ mua bán và sáp nhập (M&A) và các dịch vụ khác phục vụ nghiệp vụ M&A;
- Phát triển Môi giới dựa trên nền tảng công nghệ cao;
- Phát triển mạnh Dịch vụ Môi giới chứng khoán đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư.



CÁC RỦI RO

1. RỦI RO THANH KHOẢN

- Để phòng tránh rủi ro này, Chứng khoán Alpha luôn quản lý tách biệt tiền của Nhà Đầu Tư và của Công ty, không sử dụng hay lạm dụng tiền của người đầu tư; luôn đảm bảo số tiền của người đầu tư phải có đủ để thanh toán bù trừ. Việc theo dõi, đối chiếu, quản lý tiền thanh toán theo ngày T cần thực hiện hàng ngày và có số dư dự phòng cho việc thanh toán; thực hiện đối chiếu số dư chứng khoán với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, khi có sự chênh lệch sẽ xác định ngay nguyên nhân để kịp thời khắc phục.
- Để quản lý rủi ro thanh khoản, Phòng Tài chính Nguồn vốn có trách nhiệm quản lý dòng tiền theo thời gian đến hạn để đảm bảo khả năng thanh toán cho Công ty.
- Công cụ quản lý thanh khoản là dùng phân tích đến hạn của các khoản tiền trong dòng tiền vào và dòng tiền ra của Chứng khoán Alpha theo kỳ hạn.
- Báo cáo về dòng tiền được Phòng Tài chính nguồn vốn phụ trách và quản lý hàng ngày để đảm bảo, cập nhật tình hình về khả năng thanh toán cho Công ty.



2. RỦI RO TÍN DỤNG

a. Đối với các khoản phải thu:

- Để phòng tránh thất thoát tiền từ việc khách hàng mất khả năng trả nợ, Chứng khoán Alpha luôn tuân thủ cho khách hàng vay theo đúng tỷ lệ quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và của Công ty; lựa chọn danh mục cổ phiếu có tính thanh khoản cao và có chỉ tiêu tài chính tốt; yêu cầu khách hàng thực hiện đầy đủ tỷ lệ duy trì tài sản, khi tỷ lệ tài sản ký quỹ xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì sẽ yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản hoặc bán chứng khoán.

b. Đối với các khoản phải trả:

- Phòng kế toán sẽ theo dõi kỳ hạn các khoản phải trả, hàng tháng báo cáo Tổng Giám đốc/Kế toán trưởng để có kế hoạch chuẩn bị nguồn tiền cho các khoản phải trả trong tương lai.



CÁC RỦI RO *(tiếp theo)*

3. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

a. Rủi ro đối với nghiệp vụ giao dịch và môi giới chứng khoán

- Nhân viên giao dịch, môi giới luôn thực hiện đúng quy trình mở tài khoản, thay đổi thông tin khách hàng, đóng mở tài khoản, tiếp nhận lệnh của khách hàng như: lệnh giao dịch phải do chính chủ tài khoản thực hiện hoặc do người có ủy quyền hợp pháp thực hiện; có đủ 100% số dư chứng khoán khi thực hiện giao dịch bán có đầy đủ 100% số dư tiền mặt khi đặt lệnh mua hoặc đáp ứng tỷ lệ ký quỹ tối thiểu theo quy định của Chứng khoán Alpha (kể cả phí giao dịch); thận trọng và nhập chính xác lệnh mua bán của khách hàng vào hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán.
- Kết thúc ngày, Nhân viên giao dịch sẽ thực hiện đối chiếu kết quả khớp lệnh được cập nhật vào hệ thống trong ngày với kết quả khớp lệnh cuối ngày được trả về từ các Sở giao dịch chứng khoán, đảm bảo kết quả giao dịch trên phần mềm là chính xác.
- Khi có xảy ra tranh chấp hoặc sai sót không có chủ ý trong quá trình giao dịch với các đối tượng khác nhau sẽ báo cáo ngay cho các cấp quản lý.

b. Rủi ro trong nghiệp vụ lưu ký chứng khoán

- Trong quá trình thực hiện nghiệp vụ lưu ký chứng khoán, Bộ phận Lưu ký phối hợp chặt chẽ với Phòng kế toán để thực hiện đối chiếu số liệu phát sinh đến chứng khoán tăng giảm hàng ngày, đồng thời phối hợp với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tiến hành đối chiếu số liệu phát sinh hàng ngày.
- Bộ phận Lưu ký lưu trữ và quản lý hồ sơ chứng từ đầy đủ, chính xác và khoa học theo đúng các quy định của Chứng khoán Alpha cũng như các quy định của pháp luật hiện hành.

Các Rủi ro phát sinh trong quá trình tác nghiệp hoặc do lỗi vận hành gây thiệt hại trong quá trình đều được Ban lãnh đạo đôn đốc và nhắc nhở thường xuyên để tránh xảy ra những lỗi phát sinh phức tạp không thể sửa chữa.

Các hoạt động có thể do nhân viên gây ra, lỗi hệ thống, phần mềm, thiếu chốt kiểm soát trong các quy trình hoạt động của Chứng khoán Alpha đều được triển khai và xử lý kịp thời để tránh ảnh hưởng đến Nhà Đầu tư.





c. **Rủi ro trong Công nghệ thông tin (IT)**

Đối với công ty chứng khoán, việc đặt hệ thống Công nghệ thông tin lên hàng đầu để kiểm tra và kiểm soát là quan trọng để tránh rủi ro. Phòng IT thực hiện giám sát, bảo trì và dự phòng để đảm bảo không xảy ra lỗi hệ thống ảnh hưởng đến khách hàng. Chứng khoán Alpha sử dụng hệ thống BACKUP, tường lửa cứng và mềm để ngăn chặn truy cập trái phép và đảm bảo an toàn cho hệ thống. Chứng khoán Alpha luôn có phương án dự phòng khẩn cấp tránh rủi ro mất điện trong quá trình thực hiện giao dịch hoặc rủi ro do hệ thống bị xâm nhập trái phép dẫn đến hỏng hệ thống.

4. RỦI RO PHÁP LÝ

Từng nghiệp vụ, nhân viên pháp chế đều tuân thủ theo các mẫu hợp đồng đã được ban hành trong quá trình chuẩn bị hợp đồng ký kết. Nhân viên pháp chế luôn nắm chắc các nội dung quy định của pháp luật về chứng khoán, về hợp đồng nhằm đảm bảo tính tuân thủ và phù hợp. Nhân viên nghiệp vụ luôn tìm hiểu rõ nhu cầu của khách hàng, thông báo đầy đủ quyền và nghĩa vụ của khách hàng trước khi ký hợp đồng nhằm đảm bảo tính minh bạch, công khai và tiếp nhận sự hiểu biết đầy đủ của khách hàng trước khi ký kết.

5. RỦI RO VỀ UY TÍN CÔNG TY

Việc quản lý thương hiệu và hình ảnh của Chứng khoán Alpha do phòng Hành chính nhân sự (HCNS) chịu trách nhiệm, các thông tin tài chính công bố ra bên ngoài do bộ phận Công bố thông tin chịu trách nhiệm. Tất cả các thông tin làm ảnh hưởng đến uy tín của Công ty đều được tập hợp về phòng HCNS để xử lý và giải quyết.



6. RỦI RO VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Việc Công bố thông tin luôn tuân thủ các quy định hiện hành về Công bố định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

Người Công bố thông tin là người có kinh nghiệm về thị trường chứng khoán, có kiến thức về tài chính, thận trọng trong các phát ngôn. Người công bố thông tin luôn cập nhật các quy định về công bố thông tin đầy đủ và kịp thời.

03. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng (giảm)
1	Doanh thu hoạt động	29.246.447.604	45.863.171.248	56,8%
1.1	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	7.431.036.168	21.246.333.055	185,9%
1.2	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	3.000.000.000	70.000.000	-97,7%
1.3	Doanh thu nghiệp vụ Tư vấn đầu tư chứng khoán	8.919.970.910	25.000.000	-99,7%
1.4	Doanh thu nghiệp vụ Lưu ký Chứng khoán	211.607.258	240.222.780	13,5%
1.5	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	300.909.091	12.315.749.773	3992,8%
2	Thu nhập khác	91.600.579	43.548.795	-52,5%
3	Chi phí HDKD	14.129.696.879	15.169.563.540	7,4%
4	Chi phí Quản lý doanh nghiệp	15.999.332.378	17.894.162.659	11,8%



STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng (giảm)
5	Lợi nhuận trước thuế	(5.352.537.599)	7.211.965.775	-
6	Lợi nhuận sau thuế	(5.594.922.599)	6.601.130.954	-

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2023 SO VỚI KẾ HOẠCH:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh	79.555.416.906	45.863.171.248	57,6%
2	Chi phí hoạt động kinh doanh	71.043.669.445	15.169.563.540	21,4%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.937.982.800	17.894.162.659	89,7%

Trong nền kinh tế năm 2023, các tín hiệu tích cực và tiêu cực xen kẽ đã tạo nên một bức tranh phức tạp cho thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam, khiến cho sự phục hồi vẫn chưa đạt được những kỳ vọng lớn. Trong giai đoạn đầu của năm 2023, tình trạng thanh khoản thấp đã gây ra nhiều tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngành chứng khoán. Mặc dù vậy, sự quyết tâm từ phía lãnh đạo cùng với nỗ lực của tất cả các nhân viên đã giúp cho Chứng khoán Alpha ghi nhận được kết quả tích cực, đánh dấu sự trở lại mạnh mẽ sau một năm 2022 đầy khó khăn.

Cụ thể, năm 2023, tổng doanh thu hoạt động kinh doanh đạt 45,9 tỷ đồng, đạt 57,6% kế hoạch năm (79,5 tỷ đồng), tăng 56,8% so với năm 2022 (29,2 tỷ đồng). Chi phí hoạt động kinh doanh năm 2023 là 15,2 tỷ đồng, tương đương 21,4% kế hoạch năm (71 tỷ đồng), chỉ tăng 7,4% so với năm 2022 (14,1 tỷ đồng). Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế và sau thuế của CTCP Chứng khoán Alpha đạt lần lượt 7,2 tỷ đồng và 6,6 tỷ đồng.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà Lưu Hồng Huệ
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1982

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- **2005-2016:** Chánh Văn phòng HĐQT - Phó Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank
- **2016-2018:** Chánh Văn phòng HĐQT tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 3
- **T5/2020-nay:** Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha
- **T8/2023-nay:** Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha



Ông Nguyễn Anh Trung
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1982

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- **2005-2006:** Phó trưởng Phòng kinh doanh tại Công ty Cổ phần khí công nghiệp Việt Nam (Doanh nghiệp nhà nước)
- **2006-T2/2022:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng
- **T4/2023-nay:** Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha



Ông Đinh Tuấn Anh
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1982

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- **2009-2010:** Trưởng phòng kinh doanh tại Ngân hàng Quốc tế VIB
- **2010-2018:** Trưởng phòng kinh doanh tại Công ty An Thành Phong
- **2021-nay:** Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha



Ông Nguyễn Quốc Hùng
Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1965

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- **2001-2007:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
- **2007-2020:** Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha
- **2020-nay:** Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Nguyễn Anh Trung
Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1982

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- **2005-2006:** Phó trưởng Phòng kinh doanh tại Công ty Cổ phần khí công nghiệp Việt Nam (Doanh nghiệp nhà nước)
- **2006-T2/2022:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng
- **T3/2022-T10/2023:** Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha
- **T11/2023-Nay:** Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha



Ông Lê Văn Cường
Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

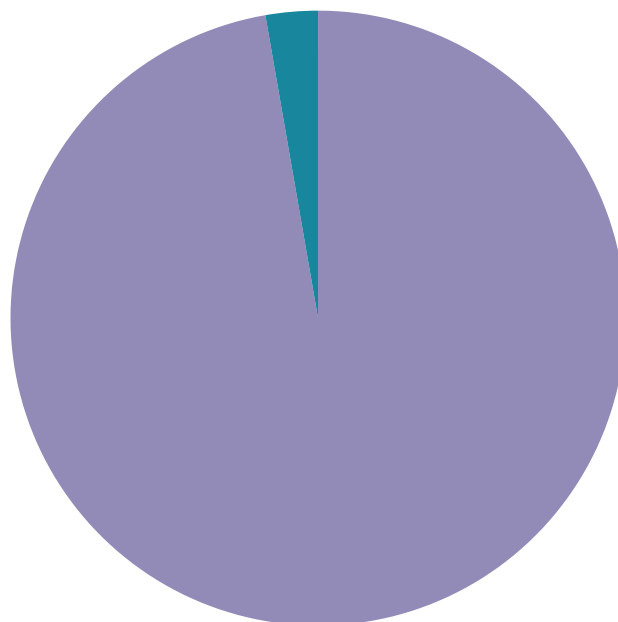
- **1995-1996:** Nhân viên tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- **1996-1997:** Chuyên viên tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- **1997-2007:** Chuyên viên / Phó phòng tại Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- **2007-nay:** Phó TGD Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha

CƠ CẤU NHÂN SỰ

Tổng số cán bộ, nhân viên là **73 người**

Phân loại theo trình độ chuyên môn:

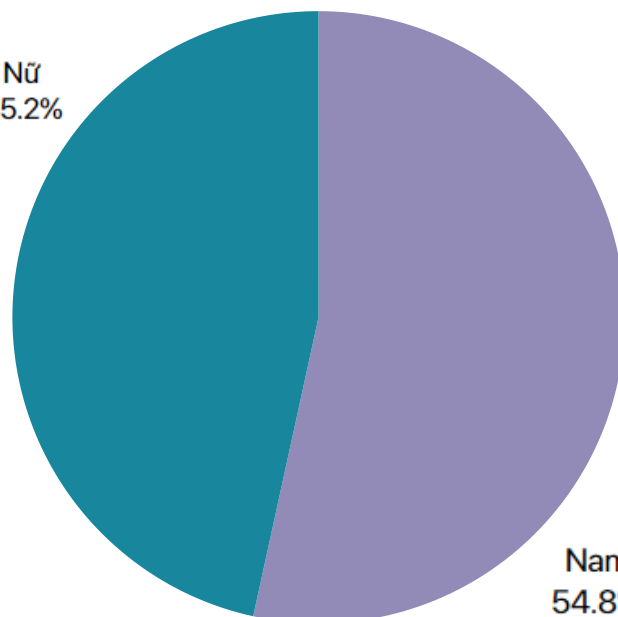
Lao động phổ thông
2.7%



Trình độ Đại học và trên Đại học
97.3%

Phân loại theo giới tính:

Nữ
45.2%



Nam
54.8%



Năm sinh: 1990

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- **2016-2021:** Trưởng nhóm kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư và khoáng sản FLC Stone
- **T3/2021-T3/2022:** Phụ trách phòng kế toán Công ty cổ phần quản lý tài sản Trí Việt
- **T4/2022-T6/2023:** Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Ozen Health and Beauty
- **T6/2023-nay:** Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

BẢNG TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2023

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	585.887.114.371	588.055.259.910	0,4%
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	29.246.447.604	45.863.171.248	56,8%
Thu nhập khác	91.600.579	43.548.795	-52,5%
Lợi nhuận trước thuế	-5.352.537.599	7.211.965.775	-
Lợi nhuận sau thuế	-5.594.922.599	6,601,130,954	-

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán - Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn - Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần Lần	8,98 8,98	10,4 10,4
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn - Hệ số Nợ/Tổng tài sản - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần Lần	0,1 0,11	0,09 0,1
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,05	0,08
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Bình quân vốn chủ sở hữu (ROE) - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Bình quân tổng tài sản (ROA) - Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	Lần % % Lần	- - - -	0,14 1,25 1,12 -

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

VỐN ĐIỀU LỆ (Tới ngày 31/12/2023)

527.574.600.000 VNĐ

VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (Tới ngày 31/12/2023)

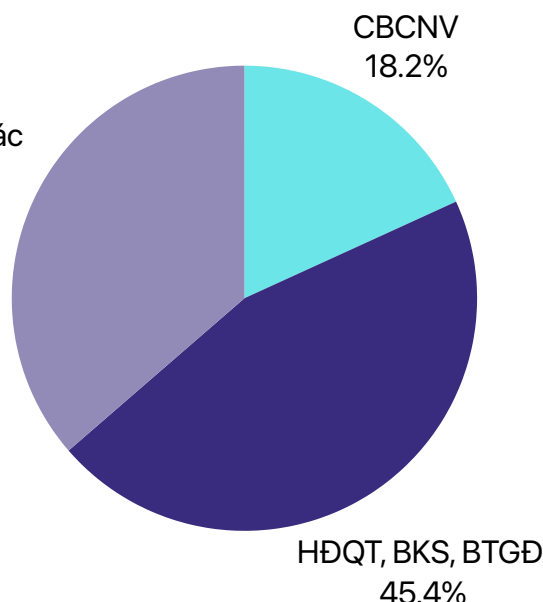
529.354.450.000 VNĐ

CỔ ĐÔNG
11 NGƯỜI

MỆNH GIÁ

10.000 VNĐ/CỔ PHẦN

Cổ đông khác
36.4%



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

KHÔNG THAY ĐỔI

Giao dịch cổ phiếu quỹ

KHÔNG

04.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

VỀ ALPHA

ALPHA BANK

Được thành lập năm 2001 bởi những chuyên gia hàng đầu trong ngành tài chính – ngân hàng, Alpha Bank là một trong những ngân hàng tiên phong trong việc áp dụng công nghệ tài chính vào các hoạt động kinh doanh, mang lại sự tiện lợi và an toàn cho khách hàng.

ALPHA



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

TÓM TẮT KINH TẾ VĨ MÔ 2023

Thế giới

Trong năm 2023, nền kinh tế thế giới phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu đều giảm. Trong khi đó, nợ xấu và lạm phát duy trì ở mức cao, gắn với những diễn biến căng thẳng của các xung đột địa chính trị, thời tiết cực đoan và dịch bệnh trên diện rộng. Cụ thể:

- Tăng trưởng kinh tế thế giới đạt khoảng từ 2,5% GDP đến 3% GDP (theo Quỹ Tiền tệ quốc tế - IMF và Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế - OECD), so với mức tăng 3,3 - 3,5% của năm 2022. IMF nhận định tăng trưởng thương mại thế giới dự kiến sẽ giảm từ 5,2% năm 2022 xuống 2,0% năm 2023, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 4,9% của giai đoạn 2000 - 2019.
- Lạm phát toàn cầu dự kiến giảm từ mức 8,7% trong năm 2022 xuống còn 6,8% vào năm 2023.
- Chính sách tiền tệ thắt chặt của các nước phát triển nhằm kiềm chế lạm phát và hướng tới tài chính công bền vững; xu hướng thu hẹp tiêu dùng và sụt giảm lượng đơn hàng xuất khẩu; những vấn đề về cơ cấu kinh tế và sự suy giảm mạnh thị trường bất động sản...
- Giá năng lượng cao và tăng lãi suất cùng với hoạt động kinh tế chậm lại ở các nền kinh tế phát triển có thể dẫn đến gia tăng các khoản nợ xấu, làm giảm giá trị tài sản dài hạn.
- Việc giá nhà giảm và thị trường việc làm yếu có thể làm tăng tình trạng vỡ nợ thế chấp, gây áp lực lên lợi nhuận của các ngân hàng, dẫn tới tăng chi phí đi vay và nguy cơ khủng hoảng nợ.
- Tốc độ tăng trưởng đầu tư ngày càng giảm.
- Sự phân mảnh địa kinh tế ngày càng sâu sắc, với nhiều hạn chế hơn về thương mại, dịch chuyển vốn xuyên biên giới, công nghệ, lao động và thanh toán quốc tế có thể làm gia tăng biến động về giá cả hàng hóa và cản trở sự hợp tác đa phương trong việc cung cấp hàng hóa công toàn cầu.



Việt Nam

Việt Nam bước vào năm 2023 với những thuận lợi cơ bản từ đà phục hồi kinh tế ấn tượng của năm 2022 như sau:

- Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2023 của cả nước tăng 5,05% so với năm trước, đưa quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD.
- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,25%, lạm phát cơ bản bình quân tăng 4,16% so với năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung.
- Tăng trưởng tín dụng là 13,71% (đến ngày 28/12, tăng trưởng tín dụng đạt 13,5%). Xét về giá trị, hệ thống ngân hàng đã cung ứng khoảng 1,5 triệu tỷ đồng vào nền kinh tế năm vừa qua, đưa tổng dư nợ tín dụng nền kinh tế lên khoảng 13,56 triệu tỷ đồng.
- Cả nước có 201,5 nghìn doanh nghiệp đăng kí thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 3,5% so với cùng kì năm trước; đồng thời, có 14,4 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước ước đạt 549,1 nghìn tỉ đồng, bằng 75% kế hoạch năm và tăng 22,1% so với cùng kì năm trước (cùng kì năm 2022 bằng 74,9% và tăng 20,9%).
- Tính đến ngày 20/11/2023, tổng thu hút FDI đạt gần 28,85 tỉ USD, tăng 14,8%; FDI thực hiện ước đạt 20,25 tỉ USD, tăng 2,9% so với cùng kì năm trước.
- Truyền thông số, thanh toán số và kinh tế số cũng là một điểm sáng của kinh tế số Việt Nam, với tổng khối lượng hàng hóa (GMV) kinh tế số Việt Nam năm 2023 ước đạt 30 tỉ USD, tăng 19% so với năm 2022.
- Nông nghiệp phát triển ổn định, là trụ đỡ của nền kinh tế. Dịch bệnh cơ bản được kiểm soát. Du lịch, dịch vụ phát triển khá sôi động.
- Giải ngân vốn đầu tư công tăng so với năm trước cả về số tuyệt đối và tương đối, góp phần khởi công và hoàn thành nhiều dự án, công trình xây dựng cơ sở hạ tầng quan trọng cho đất nước, trong đó có việc đưa gần 700 km đường bộ cao tốc vào sử dụng. Tính chung 10 tháng năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 479,3 nghìn tỉ đồng, bằng 65,8% kế hoạch năm và tăng 22,6% so với cùng kì năm trước (cùng kì năm 2022 bằng 65,1% và tăng 21,1%).
- Thu ngân sách nhà nước có thể đạt, thậm chí vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong khi đã thực hiện nhiều chính sách miễn giảm, gia hạn thời gian nộp đối với nhiều loại thuế, phí, lệ phí và tiền sử dụng đất.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức đáng kể như là: kim ngạch xuất khẩu ước giảm 3,5%, còn nhập khẩu giảm đến 4,2%; nợ xấu có chiều hướng tăng, và các thị trường bất động sản cũng như trái phiếu doanh nghiệp đang tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bên cạnh đó, sự ổn định trong kinh tế vĩ mô vẫn chưa thực sự vững chắc, hoạt động sản xuất và kinh doanh của nhiều doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn;...



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

(tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2023



Trước bối cảnh đầy biến động của nền kinh tế, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023 chịu nhiều áp lực và liên tục có các đợt tăng giảm đan xen. Sau đây là các con số nổi bật:

- Tính đến ngày 29/12/2023, chỉ số VN-Index đạt 1.129,93 điểm, tăng 12,2% so cuối năm 2022 và chỉ số HNX-Index đóng cửa ở mức 231,04 điểm, tăng 12,5% so cuối năm 2022.
- Tính chung cả năm, giá trị giao dịch bình quân đạt 17.579 tỷ đồng/phần, giảm 12,9% so bình quân năm 2022. Quy mô vốn hoá và quy mô niêm yết của thị trường cổ phiếu tiếp tục tăng so cuối năm 2022.
- Tính đến cuối năm, mức vốn hoá thị trường cổ phiếu đạt 5.937 nghìn tỷ đồng, tăng 13,6% so cuối năm 2022, tương đương 58,1% GDP ước tính năm 2023. Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch của thị trường đạt 2.128 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3% so cuối năm 2022 với 739 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở giao dịch chứng khoán và 862 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Upcom.
- Số lượng tài khoản nhà đầu tư mới tham gia thị trường tiếp tục tăng mạnh. Trong năm 2023, tổng số tài khoản chứng khoán tăng 395.290 tài khoản so với cuối năm 2022, đưa tổng số lượng tài khoản chứng khoán lên hơn 7,29 triệu tài khoản, tương đương 7,5% dân số.
- Lực cầu thị trường đến từ nhà đầu tư trong nước khi nhà đầu tư nước ngoài thực hiện bán ròng trên thị trường chứng khoán Việt Nam trước áp lực tỷ giá tăng mạnh. Trong năm 2023, sau khi mua ròng mạnh trong quý I trên thị trường cổ phiếu với tổng giá trị mua ròng lên tới 6.959 tỷ đồng, nhà đầu tư nước ngoài đã chuyển sang bán ròng liên tục từ tháng 4/2023 trong bối cảnh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên tục điều chỉnh tỷ giá trung tâm của VND với USD lên mức cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Tính chung cả năm 2023, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng 21.301 tỷ đồng cổ phiếu và chứng chỉ quỹ.

Những kết quả khả quan trên cho thấy TTCK Việt Nam có sự phục hồi tốt, cấu trúc thị trường ngày càng được hoàn thiện, nhiều kết quả quan trọng trên các khía cạnh đạt được mục tiêu đề ra và tiếp tục là điểm sáng thu hút nhà đầu tư trong và ngoài nước, là kênh dẫn vốn hiệu quả cho nền kinh tế.



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CHỨNG KHOÁN ALPHA

Trong năm 2023, mặc dù phải đối mặt với tình hình kinh tế khó khăn và sự biến động của thị trường chứng khoán, vẫn đạt được những thành tựu nhất định trong hoạt động kinh doanh:

KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ ĐỊNH CHẾ

- Xây dựng các sản phẩm cụ thể theo nhu cầu của thị trường như phát hành/chào bán cổ phiếu, trái phiếu; tái cấu trúc nợ và vốn chủ sở hữu cho doanh nghiệp;
- Các sản phẩm truyền thống như Tư vấn phát hành, Tư vấn niêm yết, Tư vấn Quản trịvẫn tiếp tục được triển khai;
- Xây dựng được tệp dữ liệu khách hàng lớn theo định hướng chiến lược của Chứng khoán Alpha;
- Kết nối được các Quỹ đầu tư tiềm năng, Ngân hàng nhằm gia tăng thêm sản phẩm Tư vấn tài chính doanh nghiệp.
- Tập trung nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới bao gồm nhưng không giới hạn ở trái phiếu và cổ phiếu nhằm đáp ứng nhu cầu ngày một đa dạng của khách hàng.
- Đẩy mạnh mảng tư vấn tái cấu trúc, tư vấn mua bán & sát nhập (M&A).

KHỐI DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

- Chuyên nghiệp hóa đội ngũ chuyên viên và nhân viên bộ phận dịch vụ khách hàng: Mở tài khoản cho khách hàng thông qua EKYC; Triển khai tính năng xác nhận lệnh online; Hoàn thiện hợp đồng mở tài khoản, tích hợp sẵn các tiện ích của app và web trading cho khách hàng; Triển khai test hệ thống công nghệ thông tin quản lý và điều hành giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam (Hệ thống KRX)
- Chuyên nghiệp hóa đội ngũ chuyên viên và nhân viên dịch vụ chứng khoán.
- Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới, tích hợp công nghệ và ứng dụng số hóa mới trong việc phát triển khách hàng.
- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới thông qua các kênh truyền thông và mạng xã hội để thu hút nhà đầu tư mới.



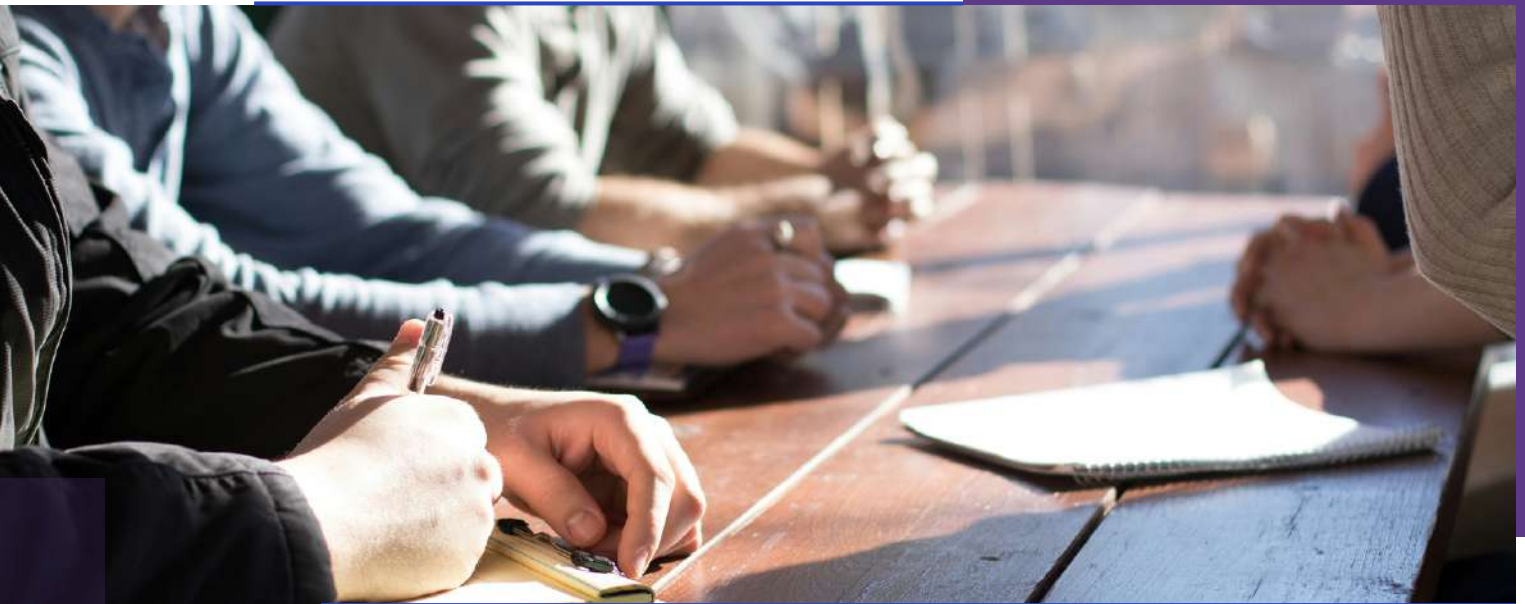
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

TÁI CẤU TRÚC, HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TỔ CHỨC (MÔ HÌNH TỔ CHỨC MỚI)

Xây dựng lại Mô hình tổ chức của Chứng khoán Alpha theo Mô hình Ban Tổng Giám đốc, các Khối Kinh doanh, Khối Vận hành và Các Chi nhánh.

Dựa vào đặc điểm hoạt động của các Khối Kinh doanh, Chứng khoán Alpha xây dựng Sơ đồ tổ chức phù hợp theo hướng chuyên biệt hóa công việc của từng mảng công việc trong Khối, chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí công việc rõ ràng, cụ thể:

- **Khối Ngân hàng Đầu tư và Định chế:** Xây dựng Mô hình Front – Back – Treasury (Front: cán bộ tập trung vào hoạt động Quản lý khách hàng, Back: trung tâm xử lý các tài liệu, báo cáo, Treasury: hoạt động nguồn)
- **Khối Dịch vụ Chứng khoán:** Tăng cường bộ phận Phân tích/Tư vấn đầu tư
- **Khối Tài chính nguồn vốn:** Ổn định và tăng trưởng nguồn vốn cho toàn bộ hệ thống Chứng khoán Alpha



HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH, QUY TRÌNH NỘI BỘ, VĂN HÓA CỦA CÔNG TY

- Xây dựng, củng cố, chuẩn hóa Bộ máy Tổ chức;
- Xây dựng Quy trình vận hành, đảm bảo tất cả các hoạt động của Công ty đều có Quy trình hướng dẫn thực hiện;
- Xây dựng cơ chế Chỉ số đo lường hiệu quả công việc (KPI) giúp bộ phận kinh doanh thêm động lực thúc đẩy và tăng hiệu suất làm việc;
- Xây dựng Bộ Quy trình đào tạo nội bộ, Bộ giới thiệu sản phẩm, liên tục đào tạo về kiến thức vĩ mô, phân tích ngành và TTCK cho các cán bộ kinh doanh;
- Xây dựng Hệ thống Quy trình bài bản và phù hợp với Quá trình vận hành hệ thống Sản phẩm của Chứng khoán Alpha.

ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

- Liên tục tuyển mới và đào tạo các ứng viên tiềm năng phù hợp với từng vị trí công việc;
- Xây dựng Cơ chế hoa hồng cho CBNV nhằm đảm bảo tính cạnh tranh và thu hút nhân sự có chất lượng làm việc cho Chứng khoán Alpha;
- Xây dựng và tiếp tục hoàn thiện bộ đào tạo kỹ năng sale, telesale cho CBNV;
- Đào tạo nội bộ, hội nhập, xây dựng tác phong làm việc và văn hóa công sở phù hợp với xu thế chung của thời đại;

ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ

Chứng khoán Alpha vẫn đang tiếp tục đổi mới và nâng cấp công nghệ, nâng cấp tiện ích của ứng dụng trên điện thoại và máy tính thuận tiện cho việc giao dịch.

TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG MARKETING

Chứng khoán Alpha tăng cường khai thác các truyền thông số thông qua social media, social network và các mạng lưới các khách hàng cá nhân cũng như khách hàng tổ chức để truyền thông và thực hiện marketing ra thị trường các sản phẩm của Công ty.

TĂNG CƯỜNG LIÊN DOANH LIÊN KẾT

Với tiềm lực còn hạn chế, việc liên doanh liên kết với các đối tác trong việc triển khai các sản phẩm dịch vụ của Chứng khoán Alpha là cần thiết và đang được đẩy mạnh, đặc biệt trong việc mở rộng quy mô mạng lưới cũng như hệ thống khách hàng.

TRIỂN VỌNG KINH DOANH NĂM 2024

Bối cảnh kinh doanh ngành chứng khoán 2024

Kết thúc năm tài chính tại mốc 1.129,9 điểm, chỉ số VN-Index cũng đã hồi phục đến 23,9% từ đáy trung hạn vào giữa tháng 11/2022 dù vẫn thấp hơn 26,1% so với đỉnh thiết lập hồi tháng 4/2022. So với các thị trường khác trong khu vực như Thái Lan, Indo, Trung Quốc ... tăng trưởng trong năm qua của Vn-Index vẫn rất khả quan.

Bước sang đến năm 2024 là bức tranh sáng hơn nhiều so với năm 2023, hơn 13,5 triệu tỷ đồng tiền gửi tiết kiệm tại các ngân hàng cuối năm 2023. Đây là mức tiền gửi cao nhất từ trước đến nay tăng 14% so với năm 2022 nhưng với lãi suất thấp nhất trong nhiều năm nay nên rất dễ chuyển dịch sang các kênh đầu tư khác như Bất động sản, Chứng khoán khi có cơ hội. Thị trường chứng khoán cũng đã chứng kiến dòng tiền lớn quay lại khi Tự doanh, tổ chức trong nước và cá nhân là bên mua ròng xuyên suốt trong 12 tháng. Trong đó cá nhân mua ròng 3,8 nghìn tỷ trong tháng 12 và tổ chức cũng hấp thụ tốt với giá trị mua ròng nhiều nhất từ đầu năm 6,2 nghìn tỷ.

Trong khi đó UBCKNN đang tiếp tục đẩy mạnh vận hành hệ thống KRX để “đón đầu nâng hạng 2025” thì một trong những chuyện không thể bỏ qua là kế hoạch triển khai sản phẩm phái sinh theo chỉ số VN100 của UBCKNN cũng là điểm đáng chú ý cho các kế hoạch phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam.

Bên cạnh đó, năm 2024 là một năm của kỳ vọng tăng trưởng GDP quay lại trên mức 6% cao hơn mức 5% đạt được của 2023, và dựa trên nền so sánh thấp của năm 2023 thì kỳ vọng lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết tăng trưởng 15 - 20% trong năm 2024

Chứng khoán ALPHA

Hiện nay, trên thị trường Chứng khoán, 70% thị phần đang được nắm giữ bởi top 10 công ty hàng đầu, 30% còn lại dành cho các công ty vừa và nhỏ. Và với việc cạnh tranh với hơn 50-60 công ty chứng khoán khác, Alpha là một trong những công ty chứng khoán được thành lập sớm nhất đang tập trung phát triển vào thị trường ngách, khai thác triệt để nhóm khách hàng từ tệp khách hàng cũ/đối tác lâu năm.

Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư & Định chế (IB): Alpha xác định dịch vụ IB là một trong những mũi nhọn trọng tâm trong hoạt động tư vấn với các nghiệp vụ Tư vấn tài chính, tư vấn tái cơ cấu và các hoạt động M&A. Việc đẩy mạnh phát triển tư vấn M&A, thúc đẩy các hoạt động tư vấn thị trường nợ và thị trường vốn đang được IB - Alpha triển khai mạnh mẽ nhằm tạo giá trị cho chuỗi hoạt động Môi giới, tổ hợp tư vấn đầu tư và phân phối trái phiếu cổ phiếu.

Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức/định chế trong và ngoài nước nhằm mục đích mở rộng tệp khách hàng mới cho hoạt động tư vấn và phát triển sản phẩm

Dịch vụ Chứng khoán: Tập trung đẩy mạnh hoạt động môi giới chứng khoán với mục tiêu tăng số lượng khách hàng mở mới tài khoản và giao dịch chứng khoán. Phối hợp chặt chẽ cùng với Khối IB để phát triển tệp khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp.



KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

Trên cơ sở các hoạt động năm 2023 và định hướng cho năm 2024, Chứng khoán Alpha xây dựng Kế hoạch kinh doanh 2024 với các chỉ tiêu tổng quan như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch năm 2024
Tổng tài sản	588.055.259.910	683.285.006.440
Vốn điều lệ	527.574.600.000	527.574.600.000
Quy mô	01 Hội sở và 03 Chi nhánh	01 Hội sở và 04 Chi nhánh
Tổng doanh thu	45.863.171.248	223.424.428.400
Chi phí HĐKD	15.169.563.540	165.167.006.672
Chi phí QLDN	17.894.162.659	28.077.342.833
Lợi nhuận trước thuế	7.211.965.775	30.180.078.895

CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Xây dựng chiến lược kinh doanh 5 năm và sản phẩm chiến lược.

Công tác nhân sự:

- Liên tục tuyển dụng bổ sung nhân sự cho kế hoạch phát triển của Công ty
- Xây dựng, triển khai kế hoạch đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên kinh doanh.

Thực hiện rà soát, đánh giá lại và đầu tư chiều sâu cho hệ thống Chi nhánh tương xứng tiềm năng.

05.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐIỂM MẠNH

Hệ thống khách hàng tổ chức lớn

- Được nhiều doanh nghiệp cũ tin tưởng, tín nhiệm và trở thành đơn vị tư vấn truyền thống cho doanh nghiệp.
- Có mối quan hệ tốt với các doanh nghiệp lớn từ đó dễ dàng tiếp cận và mở rộng tệp khách hàng mới.

Đội ngũ chuyên gia nhiều kinh nghiệm và nhiệt huyết

- Chứng khoán Alpha là nơi quy tụ nhiều chuyên gia giàu kinh nghiệm trong TTCK giữ vai trò phụ trách các bộ phận kinh doanh chính của công ty như: Tự doanh chứng khoán, Tư vấn đầu tư, Dịch vụ chứng khoán, Tư vấn tài chính doanh nghiệp có uy tín và thương hiệu trên thị trường tài chính.
- Đội ngũ nhân sự tiềm năng, đam mê, nhiệt huyết và yêu nghề được đào tạo bài bản trong nước và quốc tế về kỹ năng, kiến thức chuyên ngành và có khả năng sử dụng thành thạo nhiều ngôn ngữ.

Hỗ trợ triển khai dịch vụ chứng khoán, dịch vụ IB, dịch vụ nguồn vốn

- Chứng khoán Alpha được hoạt động tất cả các dịch vụ của một CTCK, có hệ thống lõi đáp ứng tiêu chuẩn giao dịch KRX, có đầy đủ công cụ trading online hỗ trợ giao dịch và đầu tư của Khách hàng.

VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

THÁCH THỨC

Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư & Định chế

Với mục tiêu vươn lên trở thành một trong những đơn vị tư vấn Top đầu trên thị trường, Khối xác định sự cạnh tranh cùng các công ty lớn trong và ngoài nước là một thách thức để Khối luôn thay đổi, hoàn thiện các dịch vụ.

Khối Dịch vụ Chứng khoán

- Dư nợ margin, giá trị giao dịch chưa tương xứng với năng lực và quy mô của Alpha.
- Lãi suất margin chưa cạnh tranh.
- Sản phẩm margin áp dụng cho những mã chứng khoán trên sàn HOSE và sàn HNX. Chứng khoán Alpha giới hạn margin cho những cổ phiếu có nền tảng và tính thanh khoản tốt trong rổ chỉ số được cấp phép nên độ rộng chưa được cao.

Ngoài ra:

- Công ty gặp thách thức từ thị trường chứng khoán: thị trường biến động, tâm lý nhà đầu tư dao động và quy định mới của cơ quan quản lý chưa nhất quán với sự phát triển của thị trường.
- Sự cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán ngày càng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ và dịch vụ tài chính. Đòi hỏi Chứng khoán Alpha phải nâng cao chất lượng, hiệu quả để duy trì và mở rộng thị phần.

Dựa trên đánh giá này, HĐQT cam kết tiếp tục hỗ trợ và định hướng chiến lược phát triển của Chứng khoán Alpha, tập trung vào việc tăng cường chất lượng dịch vụ, tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và thích ứng linh hoạt với môi trường kinh doanh có nhiều thách thức để tạo ra và gia tăng giá trị cho cổ đông và khách hàng.

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong năm 2023, HĐQT đã tiến hành đánh giá toàn diện về hoạt động của Ban TGD công ty, cụ thể như sau:

- Điều hành hiệu quả: Ban TGD đã thể hiện sự lãnh đạo mạnh mẽ và quyết đoán trong việc điều hành và thực thi chiến lược phát triển của công ty như: thay đổi về Bộ máy lãnh đạo, tổ chức lại nhân sự và chuyên môn hóa các Khối kinh doanh, tăng cường hiệu quả điều hành.
- Quản trị tài chính: HĐQT đánh giá cao việc quản lý tài chính của Ban TGD, đảm bảo sự ổn định và bền vững của công ty trong điều kiện thị trường có nhiều biến động.
- Đổi mới và phát triển: Ban TGD đã đưa ra các sáng kiến và chính sách để thúc đẩy sự đổi mới và phát triển của công ty, từ việc cải thiện sản phẩm và dịch vụ đến mở rộng thị trường và tăng cường sức cạnh tranh.
- Thích ứng với biến động thị trường: Ban TGD liên tục theo dõi và đánh giá các biến động của thị trường nhằm phản ứng linh hoạt và kịp thời đối với những thay đổi không lường trước.
- Quản trị rủi ro: Trong môi trường kinh doanh đầy rủi ro, Ban TGD đã thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Dựa trên đánh giá này, Hội đồng quản trị cam kết tiếp tục hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong việc thúc đẩy sự phát triển của công ty, đồng thời đảm bảo rằng các thách thức được đối phó một cách hiệu quả để tạo ra giá trị tối đa cho cổ đông và các bên liên quan.



KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Hội đồng Quản trị xem xét và đưa ra các kế hoạch, định hướng dựa trên các yếu tố như tình hình thị trường, mục tiêu chiến lược và cơ hội phát triển của Chứng khoán Alpha. Dưới đây là các kế hoạch và định hướng mà Hội đồng quản trị đề xuất:

- Mở rộng mạng lưới kinh doanh, hoàn thiện việc thành lập Chi nhánh Thanh Hóa và một số Tỉnh có tiềm năng phát triển cho hoạt động của Chứng khoán Alpha.
- Hoàn thiện chiến lược phát triển của Chứng khoán Alpha, thu hút hợp tác các Đối tác chiến lược trong và ngoài nước có kinh nghiệm và tiềm lực mạnh đồng hành đưa Công ty đạt các mục tiêu.
- Tiếp tục cải cách và phát triển mô hình hệ thống nhằm tăng hiệu quả giám sát, kiểm soát cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Mở rộng các nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu khách hàng, đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật.
- Đẩy mạnh phát triển các dự án, sản phẩm từ đó gia tăng lợi nhuận và từng bước khẳng định vị trí của Chứng khoán Alpha trên thị trường Chứng khoán.



06.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HDQT nhiệm kỳ 2023 - 2028 gồm 05 thành viên

STT	Thành viên HDQT	Chức danh	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Bà Lưu Hồng Huệ	Chủ tịch HDQT	5.220.000	9,89%
2	Ông Nguyễn Anh Trung	Thành viên	0	0
3	Ông Đinh Tuấn Anh	Thành viên	5.040.000	9,55%
4	Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên (từ nhiệm ngày 14/08/2023)	5.175.000	9,81%
5	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Thành viên độc lập	0	0

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Văn phòng Hội đồng quản trị bao gồm: 01 thành viên

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Trong năm 2023, HDQT Chứng khoán Alpha đã tổ chức 18 cuộc họp với các nội dung chính sau:

STT	Số Nghị Quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/APSC/NQ-HDQT	17/01/2023	NQ-HDQT về việc ban hành chính sách QTRR năm 2023 tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha.	5/5
2	02/2023/APSC/NQ-HDQT	17/01/2023	NQ-HDQT về việc thành lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ.	5/5
3	03/2023/APSC/NQ-HDQT	07/02/2023	NQ-HDQT về việc đóng cửa Văn phòng Đại diện Công ty tại TP. HCM	5/5
4	04/2023/APSC/NQ-HDQT	09/03/2023	NQ-HDQT thông qua việc thành lập chi nhánh Công ty tại thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa	5/5
5	05/2023/APSC/NQ-HDQT	09/03/2023	NQ-HDQT bổ nhiệm ông Trần Hùng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Chi nhánh Nha Trang	5/5



STT	Số Nghị Quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
6	06/2023/APSC/NQ-HĐQT	17/03/2023	NQ-HĐQT Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	5/5
7	08/2023/APSC/NQ-HĐQT[A1]	27/04/2023	NQ-HĐQT bầu CT HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028.	5/5
8	09/2023/APSC/NQ-HĐQT	26/07/2023	NQ HĐQT Bầu và bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Chứng khoán ALPHA	5/5
9	09A/2023/APSC/NQ-HĐQT	14/08/2023	NQ Nhận đơn từ nhiệm TV HĐQT của Ông Nguyễn Hoàng Nam	5/5
10	10/2023/APSC/NQ-HĐQT	14/09/2023	NQ HĐQT Thành lập tổ Tư vấn, xây dựng chiến lược giai đoạn 2024 - 2027	4/4
11	11/2023/APSC/NQ-HĐQT	29/09/2023	NQ HĐQT Mua lại CCQ của Quỹ đầu tư tăng trưởng Pacific Bridge do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Pacific Bridge thành lập và quản lý	4/4
12	11A/2023/APSC/NQ-HĐQT	02/10/2023	NQ HĐQT chuyển nhượng cổ phần phổ thông của Công ty CP Thương mại kinh doanh Hoàng Gia Việt Nam và cổ phần phổ thông của Công ty CP Đầu tư Hoàng Minh Bình Dương trong Quý IV. 2023	4/4
13	12/2023/APSC/NQ-HĐQT	01/11/2023	NQ HĐQT Bầu và bổ nhiệm TGD kiêm Người đại diện PL Ông Nguyễn Anh Trung	4/4
14	12A/2023/APSC/NQ-HĐQT	08/11/2023	NQ HĐQT Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Văn phòng HĐQT	4/4
15	14/2023/APSC/NQ-HĐQT	09/11/2023	NQ HĐQT Ban hành Quy chế Công bố thông tin	4/4
16	15/2023/APSC/NQ-HĐQT	27/11/2023	NQ HĐQT Bổ nhiệm Giám đốc CN Tp.Hồ Chí Minh	4/4
17	17/2023/APSC/NQ-HĐQT	27/12/2023	NQ HĐQT Thay đổi địa điểm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha - Chi nhánh Hồ Chí Minh	4/4
18	18/2023/APSC/NQ-HĐQT	27/12/2023	NQ HĐQT Bổ nhiệm Giám đốc CN Hải Phòng	4/4

BAN KIỂM SOÁT

THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát của Chứng khoán Alpha gồm 3 thành viên:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bắt đầu là thành viên BKS
1	Hà Thái Sơn	Trưởng Ban	Cử nhân tài chính	09/02/2022
2	Nguyễn Tuấn Tú	Thành viên	Cử nhân tài chính	09/02/2022
3	Lương Cao Phong	Thành viên	Cử nhân tài chính	09/02/2022

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Hà Thái Sơn	02/02	100%	100%
2	Nguyễn Tuấn Tú	02/02	100%	100%
3	Lương Cao Phong	02/02	100%	100%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ quyền hạn và nhiệm vụ của BKS được quy định tại Điều lệ của Chứng khoán Alpha; BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, Ban TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Qua quá trình giám sát, BKS nhận thấy các thành viên HĐQT và Ban TGD đã có nhiều nỗ lực trong chỉ đạo điều hành Công ty, xây dựng các định hướng, thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Chứng khoán Alpha. Các nghị quyết của HĐQT phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Chứng khoán Alpha.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

HĐQT, Ban TGD và người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Chứng khoán Alpha, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi.

Tài liệu trong các kỳ họp của HĐQT đều được cung cấp đồng thời cho BKS vào cùng thời điểm được cung cấp cho HĐQT, do đó BKS có thể giám sát tốt các hoạt động của Công ty, có ý kiến kịp thời với công tác quản lý, điều hành của Công ty.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2023, các thành viên HĐQT, Ban điều hành, và các cán bộ quản lý đã được đào tạo và liên tục cập nhật các quy định mới về quản trị công ty.



07. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ BỀN VỮNG CỦA APSC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Định hướng chiến lược phát triển bền vững chung cho toàn công ty.
- Các chương trình hành động chung.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Định hướng, chỉ đạo chung về Phát triển bền vững của công ty.
- Phê duyệt mục tiêu và các kế hoạch hành động.

CÁC KHỐI, PHÒNG BAN CHỨC NĂNG

- Xây dựng và trình Ban Tổng Giám đốc các mục tiêu kế hoạch và hành động cụ thể
- Triển khai và hướng dẫn các cán bộ thực thi các kế hoạch, hành động cụ thể đã được Ban TGD phê duyệt



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA APSC

Chương Alpha chủ trương hoạt động phát triển bền vững gắn với tác động lên 3 trụ cột chính:



KINH TẾ

XÃ HỘI

MÔI
TRƯỜNG



KINH TẾ

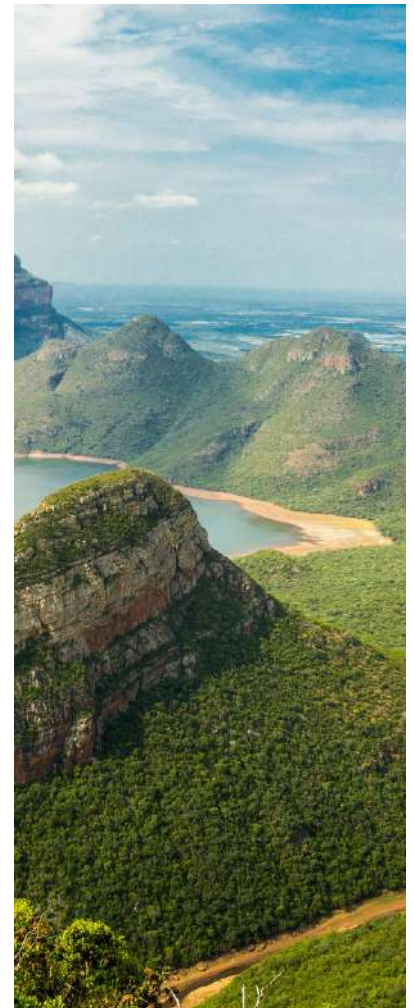
- Tăng trưởng ổn định và bền vững trong lĩnh vực chứng khoán, góp phần vào sự phát triển kinh tế của đất nước.
- Thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro chặt chẽ nhằm giảm thiểu thiệt hại tài chính đối với công ty và khách hàng.
- Đóng góp cho sự phát triển kinh tế ở các địa phương mà công ty hoạt động.
- Duy trì một mức tăng trưởng kinh doanh ổn định và bền vững, đồng thời góp phần vào nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách quốc gia.
- Tạo ra lợi ích kinh tế cho cổ đông thông qua chính sách cổ tức ổn định.

XÃ HỘI

- Liên tục cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng để mang lại hài lòng và tin tưởng khi sử dụng các dịch vụ của công ty.
- Lấy khách hàng làm trọng tâm để không ngừng phát triển các sản phẩm đầu tư và hệ thống giao dịch mới, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập và mức sống cho người lao động.
- Hướng các hoạt động kinh doanh đến sự phát triển bền vững của thị trường tài chính và chứng khoán Việt Nam.
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định và hướng dẫn của Nhà nước, thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với các hoạt động duy trì và xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ.

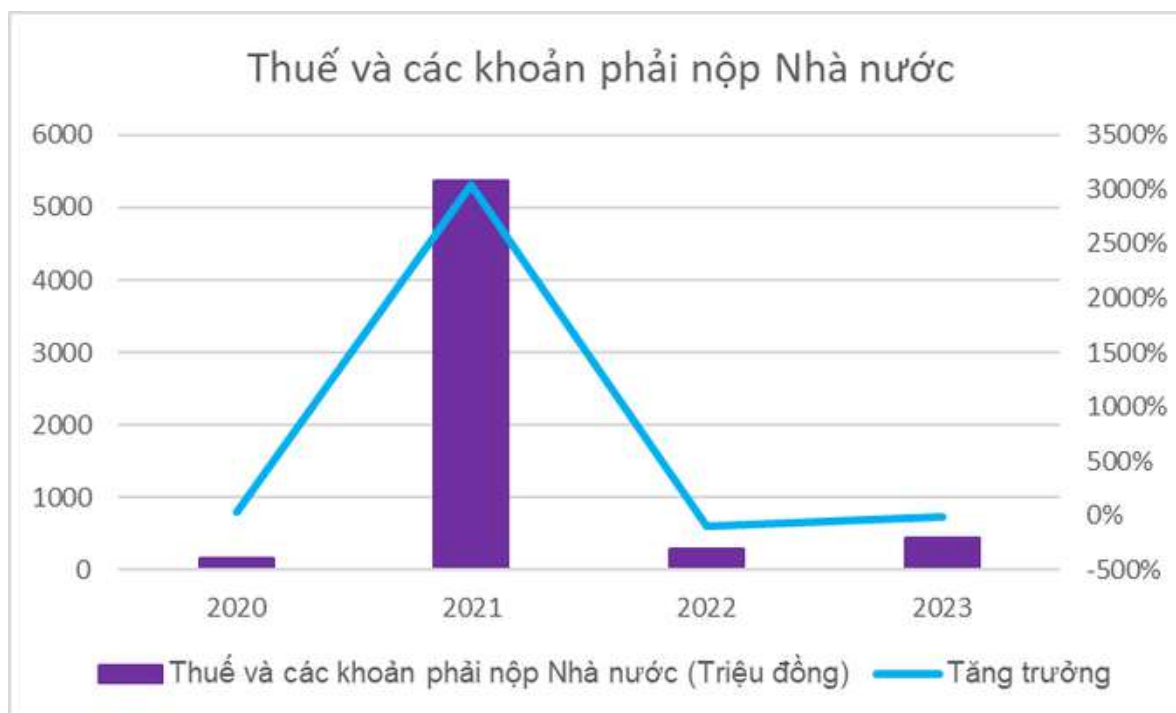
MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng môi trường làm việc xanh, sạch, giảm thiểu các tác động tiêu dùng năng lượng và xả thải.
- Tạo ra một môi trường làm việc thân thiện với người lao động.
- Nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng và văn phòng phẩm. Tiết kiệm các nguồn tài nguyên hữu hạn như điện, nước.
- Hướng đến việc sử dụng thiết bị, máy móc, đồ dùng văn phòng thân thiện với môi trường và con người hơn.
- Nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường đối với người lao động trong công ty và cộng đồng.



HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐÓNG GÓP VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC



PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG

Chứng khoán Alpha hoạt động tại các khu vực kinh tế lớn của cả nước với 1 trụ sở chính ở Hà Nội và 3 chi nhánh là Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng và Nha Trang. Chứng khoán Alpha đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế địa phương cũng như là một đối tác uy tín đối với các nhà cung cấp địa phương. Công ty thường xuyên tuyển dụng lao động để cung ứng các cơ hội việc làm đối với người lao động tại các địa phương; tham gia các chương trình từ thiện phối hợp cùng với chính quyền địa phương và cơ quan quản lý.



XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THÂN THIỆN VÀ HỖ TRỢ CHO SỰ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG



Tính đến 31/12/2023, tổng số CBNV có Hợp đồng lao động của Công ty là 73 người. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Đây là một trong những chính sách quan trọng của các doanh nghiệp. Các chính sách này được thiết kế nhằm bảo vệ và đảm bảo tối đa sức khỏe và an toàn cho người lao động, đồng thời nâng cao chất lượng cuộc sống và sự phát triển của nhân viên. Bên cạnh việc áp dụng chi trả phụ cấp ăn ca cho cán bộ nhân viên trực thuộc, Công ty duy trì việc đảm bảo môi trường làm việc an toàn, vệ sinh, đáp ứng yêu cầu làm việc của các khối, phòng ban chuyên môn.
- Nhằm đảm bảo cho nhân viên có đầy đủ sự an toàn và bảo vệ tối đa sức khỏe, Công ty áp dụng chế độ bảo hiểm theo quy định nhà nước: bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm thất nghiệp ở mức cạnh tranh, cao hơn so với mặt bằng chung các công ty chứng khoán khác trên thị trường.
- Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng một số chương trình phúc lợi khác: chế độ nghỉ phép, nghỉ mát, trợ cấp, các khoản thưởng vào các ngày lễ, ngày kỷ niệm; tổ chức sinh nhật tháng cho các nhân viên tại Công ty nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và sự phát triển của nhân viên.



HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bên cạnh hoạt động đào tạo nội bộ thông qua các nghiệp vụ (training on job), đào tạo hội nhập, Chứng khoán Alpha đã tái khởi động hoạt động đào tạo thông qua việc chương trình đào tạo, hướng dẫn quy trình làm việc: Đào tạo nhân viên về quy trình làm việc của doanh nghiệp, từ đó giúp tăng hiệu suất làm việc và giảm thiểu sai sót; Chương trình đào tạo kỹ năng mềm: Tập trung vào các kỹ năng mềm như giao tiếp, lãnh đạo, làm việc nhóm, giúp nhân viên phát triển bản thân và tăng khả năng thích nghi với môi trường làm việc.



Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Đánh giá tầm quan trọng của hoạt động đào tạo người lao động là một phương pháp quan trọng để nâng cao chất lượng lao động và cải thiện hiệu suất hoạt động của doanh nghiệp. Chính vì vậy, hàng năm, Chứng khoán Alpha thực hiện rà soát, đánh giá năng lực nguồn nhân lực của Công ty, từ đó, thực hiện chính sách hỗ trợ hoạt động đào tạo thông qua chi trả học phí cho chứng chỉ hành nghề. Người lao động được chi trả ngay tại thời điểm đăng ký học các môn học phục vụ cho công tác chuyên môn.

ĐÓNG GÓP VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Trong năm 2023, Chứng khoán Alpha đã mở mới hàng loạt tài khoản chứng khoán, đóng góp vào sự gia tăng của nhà đầu tư tham gia thị trường. Công ty đã tập trung vào việc chuyên nghiệp hóa đội ngũ chuyên viên và nhân viên bộ phận dịch vụ khách hàng bằng cách mở tài khoản cho khách hàng thông qua EKYC và tiến tới không cần hoàn hợp đồng bản cứng. Chứng khoán Alpha cũng triển khai tính năng xác nhận lệnh online, hoàn thiện hợp đồng mở tài khoản, tích hợp các tiện ích của ứng dụng và trang web giao dịch vào dịch vụ cho khách hàng, cũng như triển khai thử nghiệm Hệ thống KRX. Ngoài ra, Chứng khoán Alpha đã tiến hành chuyên nghiệp hóa đội ngũ chuyên viên, nhân viên dịch vụ chứng khoán để đáp ứng các yêu cầu của việc vận hành Hệ thống KRX và cung cấp các dịch vụ ứng trước và dịch vụ margin để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chứng khoán Alpha đề cao sự quan trọng của điện và nước đối với xã hội nói chung. Chúng tôi luôn cố gắng kiểm soát và tiết kiệm điện và nước, và xây dựng một văn hóa nội bộ thân thiện với môi trường. Toàn thể CBNV đã nghiêm túc thực hiện tiết kiệm điện và nước trong toàn công ty như sau:

- Sử dụng bóng đèn LED giúp tăng hiệu quả làm sáng và tiết kiệm điện.
- Bình nước và cốc thủy tinh được bố trí trong các phòng họp nhằm thay thế chai nhựa và cốc sử dụng 1 lần.
- Nhân viên chủ động tắt các thiết bị điện khi không sử dụng.
- Không mở cửa sổ, cửa ra vào khi đang bật điều hòa. Điều hòa được phân chia thành các khu vực riêng để sử dụng đúng mục đích và tránh lãng phí.
- Giấy in được khuyến khích sử dụng 2 mặt.
- Bố trí cây xanh ở bàn làm việc giúp thanh lọc bầu không khí, giảm bớt nguy hại do bức xạ gây ra.
- Trong các năm qua, Chứng khoán Alpha không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Số điện đã sử dụng	Kwh	50.258	67.046	69.994
2	Số nước đã sử dụng	m3	270	691	750
3	Tiền điện	đồng	28.451.000	30.972.129	37.093.243
4	Giấy in	ram	61	95	130



08.

**BÁO
CÁO
TÀI
CHÍNH
2023**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2006 và sửa đổi lần 7 vào ngày 29 tháng 12 năm 2023; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006. Trong quá trình hoạt động Công ty có 14 lần thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh. Lần thay đổi gần nhất là Giấy phép điều chỉnh “Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán” số 102/GPĐC – UBCK, theo đó Ông Nguyễn Anh Trung là người Đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1, 1A, 2 số 389 Đê La Thành, phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Chi nhánh: Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha tại Hải Phòng và Công ty Cổ phần chứng khoán Alpha tại Nha Trang, chi nhánh công ty CP Chứng khoán Alpha tại TP Hồ Chí Minh.

Nghành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh chứng khoán

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép thành lập và hoạt động là 527.574.600.000 VNĐ (*Bằng chữ: Năm trăm hai mươi bảy tỷ, năm trăm bảy mươi tư triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn/.*)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm:

Đại diện pháp luật của Công ty là: Ông Nguyễn Anh Trung – Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Bà Lưu Hồng Huệ	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26/7/2023
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 26/7/2023
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	Xin từ nhiệm ngày 06/03/2024
Ông Đinh Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Anh Trung	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/4/2023
Ông Nguyễn Đình Duy	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/4/2023

Ban Kiểm soát

Ông Hà Thái Sơn	Trưởng Ban
Ông Lương Cao Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Tú	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Trung	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/11/2023
Bà Lưu Hồng Huệ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/07/2023
		Miễn nhiệm ngày 01/11/2023
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26/07/2023
Ông Lê Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc	

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành

của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT – BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Trung



Số : 195 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha*

Kính gửi: Quý vị cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha

Chúng tôi, công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 7 đến trang 57, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát

nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

+Theo thuyết minh số 5.72: Trong 6 tháng đầu năm 2023, công ty có thực hiện tạm ứng cho các cá nhân trong công ty là thành viên Hội đồng quản trị tạm ứng nhiều lần trong kỳ với giá trị lớn. Đồng thời, đây là các bên liên quan theo quy định pháp luật hiện hành nhưng không được công ty công bố thông tin. Vấn đề này đã được kiểm toán viên nêu trong cơ sở đưa ra kết luận kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo soát xét Thông tin tài chính giữa niên độ số 444 ngày 14/08/2023. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/7/2023, các khoản tạm ứng này đã được thu hồi lại toàn bộ, đồng thời giai đoạn từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2023 công ty không còn tiếp tục thực hiện các nghiệp vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị tạm ứng.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP



Phó Tổng Giám đốc

Hoàng Kim Thùy

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1464-2023-133-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Nam Hải

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 4003-2022-133-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		580.731.924.401	541.429.665.944
I. Tài sản tài chính	110		533.424.670.430	539.832.771.389
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	7.1	63.077.472.421	385.355.942.033
1.1. Tiền	111.1		63.077.472.421	24.355.942.033
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	361.000.000.000
2. Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ(FVTPL)	112	7.3.1	155.494.085.613	81.216.420.000
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	7.3.3	275.400.000.000	67.000.000.000
4. Các khoản cho vay	114	7.3.4	36.087.629.124	1.391.374.998
5. Các khoản phải thu	117	7.5.1	2.136.510.830	4.639.956.857
- Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
- Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC tài sản tài chính	117.2		2.136.510.830	4.639.956.857
6. Trả trước cho người bán	118	7.5.2	1.300.000	142.000.000
7. Phải thu các dịch vụ công ty CK cung cấp	119	7.5.3	1.458.500.000	278.500.000
8. Các khoản phải thu khác	122	7.5.4	338.227.581	350.132.640
9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	7.6	(569.055.139)	(541.555.139)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		47.307.253.971	1.596.894.555
1. Tạm ứng	131	7.7	33.271.869	141.361.356
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	7.8.a	441.182.102	613.071.429
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	7.12	46.832.800.000	385.731.129
4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	24.152.701
5. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	136		-	432.577.940
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.323.335.509	44.457.448.427
I. Tài sản cố định	220		1.535.770.624	2.307.697.348
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7.10	792.461.142	1.253.951.922
- Nguyên giá	222		4.443.452.332	5.264.189.332
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223a		(3.650.991.190)	(4.010.237.410)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7.11	743.309.482	1.053.745.426
- Nguyên giá	228		3.037.391.700	3.037.391.700
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229a		(2.294.082.218)	(1.983.646.274)
III. Tài sản dài hạn khác	250		5.787.564.885	42.149.751.079
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	7.12	256.603.506	35.516.491.304
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	7.8.b	1.664.869.909	3.342.068.500
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	7.9	3.866.091.470	3.291.191.275
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		588.055.259.910	585.887.114.371

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		55.845.535.336	60.278.520.751
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		55.845.535.336	60.278.520.751
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	6.553.000.000
- Vay ngắn hạn	312	7.38	-	6.553.000.000
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	7.28	101.292.765	49.899.825
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	7.34	833.859.987	43.588.769
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		180.000.000	547.741.001
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	7.30	435.422.409	302.472.524
6. Phải trả người lao động	323		1.807.607.144	754.002.024
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	74.843
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	7.32	2.412.438.809	537.683.758
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	24.712.330
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	7.35	50.049.922.098	51.440.353.553
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		24.992.124	24.992.124
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
1. Trái phiếu phát hành dài hạn	346		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		532.209.724.574	525.608.593.620
I. Vốn chủ sở hữu	410		532.209.724.574	525.608.593.620
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		529.354.450.000	529.354.450.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		527.574.600.000	527.574.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		527.574.600.000	527.574.600.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		1.779.850.000	1.779.850.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		382.686.493	382.686.493
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		426.206.694	426.206.694
4. Lợi nhuận chưa phân phối	417	7.43	2.046.381.387	(4.554.749.567)
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		3.086.995.774	(4.736.469.567)
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(1.040.614.387)	181.720.000
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CSH	440		588.055.259.910	585.887.114.371

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU		MS	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT					
1.	Cổ phiếu đang lưu hành	006	6	52.757.460	52.757.460
2.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	8	826.000.000	826.000.000
	TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		826.000.000	826.000.000
	TSTC chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	12	155.750.000.000	80.250.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG					
1.	Tài sản tài chính niêm yết đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	7.20	764.434.910.000	623.564.040.000
	a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		613.631.350.000	540.930.560.000
	b. TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		2.281.000.000	1.711.000.000
	c. TSTC giao dịch cầm cố	021.3		65.715.510.000	80.078.810.000
	d. TSTC phong tỏa, tạm giữ	021.4		79.869.980.000	
	e. TSTC chờ thanh toán	021.5		2.937.070.000	843.670.000
	f. TSTC chờ cho vay	021.6		-	
2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	7.21	1.279.510.000	12.356.400.000
	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		-	2.356.400.000
	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		1.279.510.000	10.000.000.000
3	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	023		2.177.000.000	1.516.350.000
4	Tiền gửi của khách hàng	026	7.25	32.765.608.883	39.524.540.242
	4.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		32.765.608.883	39.524.540.242
5	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty CK quản lý	031	7.39	32.765.608.883	39.524.540.242
5.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty CK quản lý	031.1	14	32.653.127.459	39.414.077.046
5.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty CK quản lý	031.2	14	112.481.424	110.463.196

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Đỗ Thu Hà

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Mai Hương

Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG	00	7.45	45.863.171.248	29.246.447.604
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	7.45.1	1.179.125.200	480.749.309
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1		1.119.075.000	298.853.109
<i>b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ</i>	01.2		60.050.200	181.889.000
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3		-	7.200
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	7.45.3	7.884.228.010	5.280.649.316
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	7.45.3	2.812.838.898	2.230.566.801
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	7.45.4	21.246.333.055	7.431.036.168
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	7.45.6	70.000.000	3.000.000.000
1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư CK	08	7.45.5	25.000.000	8.919.970.910
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		240.222.780	211.607.258
1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	7.45.7	12.315.749.773	300.909.091
1.9. Thu nhập hoạt động khác	11	7.45.8	89.673.532	1.390.958.751
Cộng doanh thu hoạt động	20		45.863.171.248	29.246.447.604
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		2.182.384.587	3.406.204.000
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.1	7.45.1	900.000.000	2.977.930.000
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	21.2	7.45.2	1.282.384.587	424.105.000
<i>c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.3		-	4.169.000
2.3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		8.988.526.686	7.947.845.569
2.4. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư CK	29		-	75.000.000
2.5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		238.353.787	205.093.468
2.6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	31		3.760.298.480	2.495.553.842
Cộng chi phí hoạt động	40	7.47	15.169.563.540	14.129.696.879
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			-	-
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	7.46	256.890.940	193.799.679
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		256.890.940	193.799.679
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			-	-
4.2. Chi phí lãi vay	52		5.887.919.009	4.944.446.411
Cộng chi phí tài chính	60	7.48	5.887.919.009	4.997.741.204
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CK	62	7.50	17.894.162.659	15.999.332.378

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Năm 2023
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			7.168.416.980	(5.686.523.178)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			-	-
8.1. Thu nhập khác	71	7.51	43.548.795	91.700.774
8.2. Chi phí khác	72	7.52	-	100.195
Cộng kết quả hoạt động khác	80		43.548.795	91.600.579
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		7.211.965.775	(5.594.922.599)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		8.434.300.162	(5.352.537.599)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(1.222.334.387)	(242.385.000)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	7.53	610.834.821	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		610.834.821	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		6.601.130.954	(5.594.922.599)
11.1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho CSH	201		6.601.130.954	(5.594.922.599)
11.2. Lợi nhuận sau thuế trích các các Quỹ	202		-	-
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		6.601.130.954	(5.594.922.599)
12.4. Lãi/(Lỗ) toàn diện khác	304		6.601.130.954	(5.594.922.599)
Tổng thu nhập toàn diện	400		6.601.130.954	(5.594.922.599)
Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu	401		6.601.130.954	(5.594.922.599)
Thu nhập toàn diện phân bổ cho đối tượng khác	402		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		6.601.130.954	(5.594.922.599)
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	501	7.54	125,12	(159,73)

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Đỗ Thu Hà

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Mai Hương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Năm 2023
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(601.277.500.000)	(168.160.680.000)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		317.596.575.000	19.946.262.600
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	03		(254.100.493)	(323.193.991)
4. Cổ tức đã nhận	04			7.200
5. Tiền lãi đã thu	05		4.689.160.472	803.721.124
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động công ty chứng khoán	06		(1.185.957.407)	(2.606.046.795)
7. Tiền chi trả tổ chức cung cấp dịch vụ công ty chứng khoán	07		(2.433.537.602)	(3.451.239.379)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08		(13.045.355.440)	(10.300.695.288)
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán	09		(2.146.807.327)	(9.094.767.133)
10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		1.994.971.505.120	2.608.747.130.523
11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(2.012.639.451.935)	(2.546.157.845.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20		(315.725.469.612)	(110.597.347.048)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21			(273.390.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25			6.164.384
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	(267.225.616)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			351.716.400.000
2. Tiền vay gốc	33		-	133.053.000.000
2.1 Tiền vay khác	33.2			133.053.000.000
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.553.000.000)	(126.500.000.000)
- Tiền chi trả gốc vay khác	34.3		(6.553.000.000)	(126.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.553.000.000)	358.269.400.000
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	50		(322.278.469.612)	247.404.827.336
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		385.355.942.033	137.951.114.697
- Tiền	61		24.355.942.033	137.951.114.697
- Các khoản tương đương tiền	62		361.000.000.000	
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70		63.077.472.421	385.355.942.033
- Tiền	71		63.077.472.421	24.355.942.033
- Các khoản tương đương tiền	72		-	361.000.000.000
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ				

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
- Thu tiền bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	3.513.553.775.007	3.766.548.243.832
- Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(3.520.074.352.579)	(3.844.240.108.044)
- Chi trả phí lưu ký CK của khách hàng	11	(238.353.787)	(205.093.468)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20	(6.758.931.359)	(77.896.957.680)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	39.524.540.242	117.421.497.922
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	39.524.540.242	117.421.497.922
- Tiền gửi của NĐT về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	39.524.540.242	117.421.497.922
- Tiền gửi tổng hợp GDCK cho khách hàng	33	-	-
- Tiền gửi bù trừ thanh toán GDCK	34	-	-
- TG của tổ chức phát hành	35		
Các khoản tương đương tiền	36		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37		
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	32.765.608.883	39.524.540.242
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41	32.765.608.883	39.524.540.242
- Tiền gửi của NĐT về GDCK theo phương thức CTCK quản lý	42	32.765.608.883	39.524.540.242

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Đỗ Thu Hà

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Mai Hương



Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Trung

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2023

Mẫu B04 - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số đầu năm		Số tăng/giảm trong năm				Số cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I - Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	177.638.050.000	529.354.450.000	351.716.400.000	-	-	-	529.354.450.000	529.354.450.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết (*)	175.858.200.000	527.574.600.000	351.716.400.000				527.574.600.000	527.574.600.000
1.2. Thường dư vốn cổ phần	1.779.850.000	1.779.850.000					1.779.850.000	1.779.850.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	382.686.493	382.686.493					382.686.493	382.686.493
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	426.206.694	426.206.694					426.206.694	426.206.694
4. Lợi nhuận chưa phân phối	1.040.173.032	(4.554.749.567)	181.720.000	5.776.642.599	7.823.465.341	1.222.334.387	(4.554.749.567)	2.046.381.387
4.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	616.068.032	(4.736.469.567)		5.352.537.599	7.823.465.341		(4.736.469.567)	3.086.995.774
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	424.105.000	181.720.000	181.720.000	424.105.000		1.222.334.387	181.720.000	(1.040.614.387)
Cộng	179.487.116.219	525.608.593.620	351.898.120.000	5.776.642.599	7.823.465.341	1.222.334.387	525.608.593.620	532.209.724.574

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đỗ Thu Hà

Hoàng Thị Mai Hương

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CP CHỨNG KHOẢN ALPHA
Nguyễn Anh Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo Tài chính)

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán ALPHA được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2006 và sửa đổi lần 7 vào ngày 29 tháng 12 năm 2023; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006. Trong quá trình hoạt động Công ty có 14 lần thay đổi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh. Lần thay đổi gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 102/GPĐC – UBCK ngày 18/12/2023, theo đó Ông Nguyễn Anh Trung là người Đại diện theo Pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 1, 1A, 2 số 389 Đê La Thành, phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc:

Tên Chi nhánh	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha tại Hải Phòng	Tầng 8, Số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng	Môi giới chứng khoán
Công ty CP chứng khoán Alpha – chi nhánh Nha Trang	Tầng 9 – Tòa nhà KHPC, số 11 Lý Thánh Tôn, Phường Vạn Thạnh, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	Môi giới chứng khoán
Công ty chứng khoán Alpha – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	Lầu 3A, tòa nhà Vietcomreal, số 68 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	Môi giới chứng khoán

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép thành lập và hoạt động là 527.574.600.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm hai mươi bảy tỷ, năm trăm bảy mươi tư triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn/.)

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh chứng khoán

Cán bộ công nhân viên công ty năm 2023 là : 73 người.

II - KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và các giấy phép điều chỉnh ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;

II - KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III - CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT – BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

4. Các vấn đề khác

Doanh thu năm 2023 của công ty tăng mạnh so với năm 2022 chủ yếu do năm 2023 doanh thu hoạt động môi giới trái phiếu và doanh thu hoạt động tư vấn tăng mạnh. Cụ thể:

+ Hợp đồng môi giới trái phiếu giữa công ty CP Chứng khoán Alpha với Công ty CP Hùng Vương Capital số 0304/2023/APSC-HVC ngày 03/04/2023 về việc tìm kiếm và giới thiệu các trái chủ theo

yêu cầu của công ty CP Hùng Vương. Giao dịch mua lại trái phiếu giữa công ty cổ phần Hùng Vương và khách hàng sở hữu trái chủ theo yêu cầu được thực hiện qua Công ty cổ phần chứng khoán An Bình. Công ty Cổ phần chứng khoán Alpha được hưởng 1% trên giá trị giao dịch. Đến thời điểm 05/07/2023 Công ty CP chứng khoán Alpha và công ty Cổ phần Hùng Vương đã ký thanh lý hợp đồng, hoàn thành việc tìm kiếm và giới thiệu khách hàng.

Dịch vụ giới thiệu khách hàng mua trái phiếu nêu trên công ty đang xác định là dịch vụ không chịu thuế GTGT.

+ Hợp đồng với Công ty CP Điện Gia Lai theo Hợp đồng tư vấn tái cấu trúc tài chính số 01/2023/HĐKT/GEC-APSC ngày 23/05/2023. Dịch vụ tư vấn hoàn tất và 2 bên đã ký thanh lý hợp đồng ngày 11/08/2023.

+ Hợp đồng với Công ty TNHH MTV Thương mại Thọ Phát và Công ty TNHH MTV Chế biến thực phẩm Thọ Phát theo Hợp đồng tư vấn tái cơ cấu số 01/2023/HĐTV/APSC-THOPHAT ngày 13/02/2023. Hợp đồng đã hoàn tất và được 2 bên nghiệm thu, ký thanh lý hợp đồng ngày 28/12/2023.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

4.1.1. Ghi nhận vốn bằng tiền:

a. Tiền gửi hoạt động của CTCK:

Tiền gửi hoạt động của CTCK bao gồm: tiền Việt Nam, phản ánh số hiện có, tình hình biến động của các loại tiền được sử dụng cho hoạt động kinh doanh của CTCK gửi tại NHTM, theo từng loại tiền bằng Đồng Việt Nam (VND) hoặc bằng ngoại tệ (nếu có).

b. Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành:

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành phản ánh tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh tại NHTM chỉ định do CTCK thực hiện chức năng – Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán). Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành sẽ được quyết toán khi hoàn thành hoạt động bảo lãnh phát hành với Tổ chức phát hành hoặc với bảo lãnh phát hành chính.

c. Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán CTCK và khách hàng tại ngày T+2 theo yêu cầu của Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần.

CTCK phải mở tài khoản tại NHTM chỉ định để theo dõi riêng biệt số hiện có và tình hình biến động của tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của CTCK và của khách hàng (khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài).

4.1.2. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Trường hợp CTCK có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo quy định của pháp luật kế toán hiện hành. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán về nguyên tắc CTCK phải căn cứ vào tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch là tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua vào của nơi CTCK mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính

4.2.1. Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính

4.2.1.1. Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính:

Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ

Tài sản tài chính được ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) thuộc danh mục tài sản tài chính của CTCK là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các tài sản tài chính này thường gồm: Cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh (với mục đích phòng ngừa rủi ro).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, có kỳ đáo hạn cố định mà CTCK có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được CTCK xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được công ty chứng khoán xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

Việc theo dõi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, CTCK được thực hiện về cả số lượng và giá trị của các tài sản tài chính này.

Giá trị của các tài sản tài chính nắm giữ ngày đáo hạn được xác định theo giá trị ban đầu cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua hoặc phát hành các tài sản tài chính này.

Sau ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

CTCK thực hiện trích lập dự phòng rủi ro cụ thể khi phát sinh rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của pháp luật chứng khoán là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ cho vay của CTCK do khác hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay.

Các khoản cho vay được theo dõi chi tiết theo các hợp đồng cho vay, đối tượng cho vay về gốc và lãi cho vay; theo dõi việc lập dự phòng suy giảm các khoản vay theo tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho từng nhóm nợ.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS

Khi theo dõi các tài sản tài chính sẵn sàng để bán, CTCK thực hiện theo dõi cả số lượng và giá trị của các tài sản tài chính này.

Lỗ/lãi phát sinh từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán:

- Khi đánh giá lại giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (Thu nhập toàn diện khác) ngoại trừ các khoản lãi lỗ do suy giảm giá trị tài chính sẵn sàng để bán.
- Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi/lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào Báo cáo thu nhập toàn diện như là cách điều chỉnh phân loại lại.
- Cổ tức thu được từ các công cụ vốn "sẵn sàng để bán" được ghi nhận vào lãi/lỗ kể từ khi quyền được nhận cổ tức của tổ chức được xác lập.

4.2.1.2. Nguyên tắc phân loại nợ tài chính**Nợ vay**

Nợ vay của CTCK bao gồm các khoản tiền vay tạm thời của CTCK với Ngân hàng hoặc các đối tượng cho vay khác.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, các khoản vay có thời hạn từ 1 năm trở xuống được phân loại là nợ vay ngắn hạn, các khoản vay có thời hạn trên 1 năm được phân loại là nợ vay dài hạn.

Nợ vay tài sản tài chính

Nợ vay tài sản tài chính bao gồm các khoản vay bằng tài sản tài chính của CTCK với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam hoặc đối tượng cho vay khác theo quy định của pháp luật chứng khoán cho phép. Nợ vay tài sản tài chính được theo dõi chi tiết theo tài sản tài chính đã vay, đã trả (gốc và lãi vay đều có), giá trị các tài sản tài chính vay còn phải trả theo từng đối tượng cho vay, theo từng hợp đồng vay, giấy nhận nợ theo từng kỳ vay. Vay bằng tài sản tài chính hoặc trả nợ vay bằng tài sản tài chính phải theo dõi chi tiết gốc vay và đánh giá lại tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ trả nợ vay hoặc cuối kỳ kế toán, các chênh lệch phát sinh được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi khi phát hành được tính toán và xác định riêng biệt giá trị cấu phần nợ: Nợ gốc và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Trái phiếu chuyển đổi được theo dõi chi tiết theo từng loại trái phiếu chuyển đổi, theo từng loại kỳ hạn, lãi suất và mệnh giá.

Trái phiếu phát hành

Trái phiếu phát hành được theo dõi chi tiết theo thời hạn phát hành trái phiếu và các nội dung có liên quan:

- Mệnh giá trái phiếu
- Chiết khấu trái phiếu: là phần chênh lệch giữa giá phát hành trái phiếu nhỏ hơn mệnh giá trái phiếu. Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí tài chính từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu
- Phụ trội trái phiếu: là phần chênh lệch giữa phát hành trái phiếu lớn hơn mệnh giá của trái phiếu. Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí tài chính đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Nợ thuê tài sản tài chính

Thuê tài sản được phân loại là nợ thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Phải trả người bán

Phải trả người bán bao gồm các khoản nợ phải trả liên quan đến hoạt động mua các tài sản tài chính chưa niêm yết không qua các Sở giao dịch chứng khoán. Các khoản nợ phải trả người bán được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc tại thời điểm báo cáo và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ gốc không quá được 12 tháng được phân loại là nợ phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời hạn trả nợ gốc trên 12 tháng được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn. Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

Các khoản nợ phải trả phát sinh trong hoạt động kinh doanh chứng khoán:

Các khoản nợ phải trả phát sinh trong hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm các khoản phải trả đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ mua, bán các tài sản tài chính của CTCK hoặc của khách hàng CTCK qua sở giao dịch chứng khoán và CTCK với tư cách là thành viên, hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán do Tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành của CTCK.

Các khoản nợ phải trả phát sinh trong hoạt động kinh doanh chứng khoán được theo dõi chi tiết theo từng tổ chức cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán.

4.2.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý

4.2.2.1. Đối với cổ phiếu

- Cổ phiếu niêm yết tự do chuyển nhượng:

Các khoản được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua) trừ khoản lãi dồn tích trước ngày mua thực nhận (nếu có). Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi giá trị của các khoản đầu tư đang ghi nhận trên sổ kế toán cao hơn giá trị thị trường hoặc phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo thu nhập toàn diện riêng.

Giá trị thị trường được sử dụng để trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được xác định như sau:

- + Đối với các chứng khoán đã niêm yết là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HSX) tính đến ngày trích lập dự phòng
- + Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp góp vốn, doanh nghiệp góp vốn xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư theo quy định về trích lập dự phòng các khoản đầu tư khác quy định tại khoản 2 điều 5 Thông tư 48/2019/TT - BTC ngày 08/8/2019.
- + Trường hợp tổ chức kinh tế nhận vốn góp không lập báo cáo tài chính cùng thời điểm thì doanh nghiệp không được thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này;

4.2.2.2. Đối với Trái phiếu niêm yết

Trái phiếu niêm yết được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua) trừ khoản lãi dồn tích trước ngày mua thực nhận (nếu có). Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Giá trị thị trường được sử dụng để trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này được xác định như sau:

- Giá niêm yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế.

- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 2 tuần tính đến thời điểm báo cáo, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá mua cộng lãi lũy kế, mệnh giá cộng lãi lũy kế, giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán bao gồm cả lãi lũy kế.

4.2.2.3. Đối với trái phiếu chưa niêm yết

Trái phiếu chưa niêm yết được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua).

Giá trị thị trường được sử dụng để trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này được xác định như sau:

Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:

- Giá mua cộng giá lũy kế;
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế;
- Giá niêm yết trên hệ thống báo giá do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn, cộng lãi lũy kế.

4.2.2.4. Đối với công cụ thị trường tiền tệ

Tiền gửi có kỳ hạn cố định là các hợp đồng tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng. Khoản đầu tư này được xác định trên nguyên tắc giá gốc.

4.2.3. Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

4.2.4. Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

Dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính là việc đưa tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính trước đây đã được ghi nhận ra khỏi Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Khi dừng ghi nhận các tài sản tài chính (do bán, phân loại lại, thanh lý, đáo hạn), đối với các loại tài sản tài chính đã lập dự phòng suy giảm giá trị, khoản dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính sẽ được ghi giảm chi phí Lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của loại tài sản tài chính dừng ghi nhận.

4.2.5 Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Cuối kỳ kế toán, CTCK đánh giá tình hình suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính sau: Các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính sẵn có để bán, nếu phát sinh giá trị suy giảm giá trị của các loại tài sản tài chính sau: Các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các tài sản tài chính sẵn có để bán. Nếu phát sinh giá trị suy giảm giá trị các loại tài sản tài chính này thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính.

Giá trị lập dự phòng suy giảm giá trị tài chính được ghi nhận vào Báo cáo thu nhập toàn diện. Trường hợp nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã lập: Ghi giảm dự phòng suy giảm tài sản tài chính và ghi giảm Chi phí lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay.

4.2.6. Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

4.2.7. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp:

Các khoản đầu tư đem thế chấp được theo dõi chi tiết theo từng loại, từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Khi lập Báo cáo tài chính, những khoản có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng được phân loại là tài sản ngắn hạn;

Những khoản có kỳ hạn còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là tài sản dài hạn.

Đối với tài sản đem thế chấp được ghi nhận theo giá đã ghi sổ kế toán của doanh nghiệp. Khi xuất tài sản phi tiền tệ đem thế chấp ghi theo giá nào thì khi thu về ghi giá đó.

4.2.8. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về tình hình Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản đầu tư của CTCK có phát sinh cổ tức, tiền lãi

Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, CTCK cần trích lập, hoàn nhập dự phòng phải thu và dự thu khó đòi cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính đến ngày nhận lãi nhưng chưa nhận được tiền. Các khoản lập dự phòng hoặc hoàn nhập dự phòng khó đòi về suy giảm giá trị của khoản phải thu trong năm tài chính (tại cuối mỗi năm tài chính) được ghi tăng/giảm chi phí.

Việc trích lập dự phòng căn cứ vào những bằng chứng đáng tin cậy về khoản nợ phải thu khó đòi về tuổi nợ tính đến thời điểm trích lập dự phòng, mức độ bị tổn thất, thiệt hại không có khả năng thu hồi được hoặc khả năng đối tượng phải thu khó đòi bị phá sản...).

4.2.9. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư nhận thế chấp

Điều khoản

CTCK quản lý tách biệt tài sản nhận thế chấp và tài sản của CTCK. Đối với tài sản thế chấp bằng tiền thì chỉ được gửi tại ngân hàng (ngoại trừ ngân hàng là bên đi vay) không được đem đi đầu tư. Các tài sản thế chấp khác không được đem đi tái đầu tư.

Tài sản nhận thế chấp không thuộc sở hữu của CTCK. Giá trị tài sản này không được tính vào giá trị tài sản của CTCK.

Dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được trích lập cho phần giá trị tài sản nhận thế chấp bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay của CTCK tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý. Việc lập dự phòng giảm giá trị tài sản nhận thế chấp tuân thủ theo quy định về Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản “Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh” trong kỳ.

Điều kiện

Tài sản nhận thế chấp của công ty chứng khoán phải là tài sản đảm bảo có tính thanh khoản cao bao gồm:

- Tiền mặt;

- Công cụ thị trường tiền tệ;
- Trái phiếu chính phủ

Giá trị tài sản thế chấp để đảm bảo khoản cho vay của CTCK được xác định tối đa bằng 70% giá trị tài sản nhận thế chấp được đánh giá lại theo giá trị thị trường hoặc giá trị tại thời điểm nhận thế chấp.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng hoạt động. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau khi TSCĐ đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào báo cáo báo cáo thu nhập toàn diện riêng trong kỳ tại thời điểm phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ vượt mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Báo cáo tình hình tài chính riêng và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào Báo cáo thu nhập toàn diện riêng

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|------------------------------|-------------|
| - Máy móc thiết bị, thiết bị | 03 – 07 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 năm |
| - Tài sản cố định khác | 04 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 – 05 năm |

4.5. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình gồm: quyền sử dụng đất, quyền phát hành, bản quyền, bằng sáng chế.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm vi tính

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị phần mềm giao dịch chứng khoán mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như

tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê, quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Công ty con, công ty liên doanh, liên kết)

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư được ghi nhận là đầu tư vào công ty con khi nhà đầu tư nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết (ngoại trừ trường hợp có hơn 50% quyền biểu quyết hoặc có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận; có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương hoặc có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc các cấp quản lý tương đương) và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị khác nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Trường hợp nhà đầu tư tạm thời nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết tại đơn vị nhưng không dự định thực thi quyền biểu quyết do mục đích đầu tư là mua – bán công cụ vốn để kiếm lời (nắm giữ khoản đầu tư vì mục đích thương mại và quyền kiểm soát chỉ là tạm thời) thì không hạch toán khoản đầu tư vào tài khoản này mà hạch toán là đầu tư ngắn hạn.

Đầu tư Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Công ty liên doanh phải tổ chức thực hiện công tác kế toán riêng theo quy định của pháp luật hiện hành về kế toán, chịu trách nhiệm kiểm soát tài sản, các khoản nợ phải trả, doanh thu, thu nhập khác và chi phí phát sinh tại đơn vị mình. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký cược ký quỹ ngắn dài hạn gồm các khoản tiền mà doanh nghiệp nhận ký quỹ, ký cược của các đơn vị, cá nhân bên ngoài để đảm bảo cho các dịch vụ liên quan đến sản xuất, kinh doanh được thực hiện đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết, như nhận tiền ký cược, ký quỹ để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng kinh tế, hợp đồng đại lý;

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn được theo dõi chi tiết theo từng khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược của từng khách hàng theo kỳ hạn và theo từng loại nguyên tệ.

4.9. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

4.9.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu về tài sản tài chính:

4.9.1.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các tài sản tài chính:

Các khoản phải thu bán các TSTC được xác định tại ngày thực hiện việc bán TSTC thành công, xác định trên cơ sở là giá bán các TSTC theo giá giao dịch khớp lệnh trên thị trường niêm yết hoặc giá xác định theo hợp đồng ký kết giữa các bên (đối với chưa niêm yết)

4.9.1.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:

Lãi cho vay, lãi tiền gửi tính trên cơ sở các cam kết được thực hiện đối với khoản vay, hoặc tiền gửi cố định về lãi suất và thời gian. Cổ tức được chia, tiền lãi, các dự thu tiền lãi khác tính từ ngày được hưởng quyền hoặc theo hợp đồng hoặc thỏa thuận.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC được theo dõi chi tiết cho từng loại đầu tư

- a. Phải thu và dự thu cổ tức:
- b. Phải thu và dự thu tiền lãi các tài sản tài chính:

Phải thu và dự thu tiền lãi đến kỳ nhưng chưa nhận được tiền:

Phải thu và dự thu tiền lãi đến kỳ nhưng chưa đến kỳ nhận lãi.

4.9.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác:

Các khoản phải thu khác bao gồm tất cả các khoản phải thu khác của CTCK ngoài các khoản phải thu khách hàng, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, thuế GTGT được khấu trừ, phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp, phải thu nội bộ và phải thu về lỗi giao dịch các tài sản tài chính.

Các khoản thu nhập khác được theo dõi theo từng khoản nợ phải thu khác để có kế hoạch thu hồi kịp thời, tránh tình trạng nợ dầy dụa ảnh hưởng đến vốn hoạt động của CTCK.

4.9.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Về phương pháp ghi nhận các khoản lập và hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Đối với khoản lập dự phòng nợ phải thu khó đòi lần đầu: Giá trị lập dự phòng được ghi tăng chi phí của CTCK là số chênh lệch đánh giá lại khoản nợ phải thu khó đòi với giá trị khoản phải thu tại thời điểm lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của CTCK.

Đối với kỳ đánh giá lại từ lần thứ hai trở đi: Giá trị lập dự phòng được phản ánh ghi tăng chi phí là số chênh lệch tăng hoặc giảm giữa giá trị đánh giá lại của lần trước đó và giá trị đánh giá lại kỳ này của khoản nợ phải thu khó đòi.

Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi:

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn được theo dõi chi tiết theo từng khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược của từng khách hàng theo kỳ hạn và theo từng loại nguyên tệ.

4.9. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

4.9.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu về tài sản tài chính:

4.9.1.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các tài sản tài chính:

Các khoản phải thu bán các TSTC được xác định tại ngày thực hiện việc bán TSTC thành công, xác định trên cơ sở là giá bán các TSTC theo giá giao dịch khớp lệnh trên thị trường niêm yết hoặc giá xác định theo hợp đồng ký kết giữa các bên (đối với chưa niêm yết)

4.9.1.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:

Lãi cho vay, lãi tiền gửi tính trên cơ sở các cam kết được thực hiện đối với khoản vay, hoặc tiền gửi cố định về lãi suất và thời gian. Cổ tức được chia, tiền lãi, các dự thu tiền lãi khác tính từ ngày được hưởng quyền hoặc theo hợp đồng hoặc thỏa thuận.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC được theo dõi chi tiết cho từng loại đầu tư

- a. Phải thu và dự thu cổ tức:
- b. Phải thu và dự thu tiền lãi các tài sản tài chính:

Phải thu và dự thu tiền lãi đến kỳ nhưng chưa nhận được tiền:

Phải thu và dự thu tiền lãi đến kỳ nhưng chưa đến kỳ nhận lãi.

4.9.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác:

Các khoản phải thu khác bao gồm tất cả các khoản phải thu khác của CTCK ngoài các khoản phải thu khách hàng, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, thuế GTGT được khấu trừ, phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp, phải thu nội bộ và phải thu về lỗi giao dịch các tài sản tài chính.

Các khoản thu nhập khác được theo dõi theo từng khoản nợ phải thu khác để có kế hoạch thu hồi kịp thời, tránh tình trạng nợ dầy dụa ảnh hưởng đến vốn hoạt động của CTCK.

4.9.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Về phương pháp ghi nhận các khoản lập và hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Đối với khoản lập dự phòng nợ phải thu khó đòi lần đầu: Giá trị lập dự phòng được ghi tăng chi phí của CTCK là số chênh lệch đánh giá lại khoản nợ phải thu khó đòi với giá trị khoản phải thu tại thời điểm lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của CTCK.

Đối với kỳ đánh giá lại từ lần thứ hai trở đi: Giá trị lập dự phòng được phản ánh ghi tăng chi phí là số chênh lệch tăng hoặc giảm giữa giá trị đánh giá lại của lần trước đó và giá trị đánh giá lại kỳ này của khoản nợ phải thu khó đòi.

Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong Hợp đồng kinh tế, Giấy nhận nợ vay, bản cam kết hoặc tài liệu tương đương...
- CTCK đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Căn cứ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Có bằng chứng đáng tin cậy về các khoản nợ phải thu khó đòi (tuổi nợ của khoản nợ phải thu, mức độ tổn thất của khoản phải thu khó đòi, chứng từ gốc, tài liệu xác nhận nợ về số tiền còn nợ chưa trả...)

4.10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn:

4.10.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản vay: (Vay, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu phát hành, vay tài sản tài chính, nợ thuê tài chính, vay Quỹ hỗ trợ tài chính)

Vay

Các khoản nợ vay phải được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng Hợp đồng vay, Giấy nhận nợ theo từng kỳ vay, nguyên tệ. Tiền lãi phải trả được ghi nhận đúng kỳ kế toán để xác định đúng kết quả kinh doanh và các khoản nợ phải trả về tiền lãi vay của kỳ kế toán có liên quan CTCK.

Trái phiếu chuyển đổi

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận là chi phí tài chính hoặc phân bổ dần trong thời gian không quá 3 năm. Trong trường hợp kỳ hạn của trái phiếu dưới 3 năm thì thời gian phân bổ chi phí phát hành trái phiếu tối đa bằng kỳ hạn trái phiếu.

Trái phiếu phát hành

Chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành khi xác định chi phí đi vay được phân bổ vào chi phí tài chính hoặc được vốn hóa theo từng kỳ. Trường hợp chi phí lãi vay của trái phiếu đủ điều kiện vốn hóa, các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Vay tài sản tài chính

Vay tài sản tài chính phải theo dõi chi tiết gốc vay và đánh giá lại tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ trả nợ vay theo kỳ hạn phải trả của từng khoản vay. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm về nghĩa vụ nợ vay tài sản tài chính ở thời điểm trả nợ vay hoặc cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu tài chính của kỳ kế toán. Việc đánh giá lại khoản vay tài sản tài chính phải phù hợp với giá thực tế thị trường tại thời điểm đánh giá các tài sản tài chính đó.

Nợ thuê tài chính

Các khoản nợ thuê tài chính có thời có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính thì được trình bày là nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Vay Quỹ hỗ trợ tài chính

Vay Quỹ hỗ trợ thanh toán bao gồm khoản tiền vay của CTCK với Quỹ hỗ trợ thanh toán phần vay ngoài phần đóng góp Quỹ hỗ trợ thanh toán của CTCK.

Khoản tiền vay Quỹ hỗ trợ thanh toán phải theo dõi chi tiết số tiền đã vay, số tiền đã trả (gốc và lãi vay), số tiền vay còn phải trả theo từng đối tượng cho vay, theo từng Hợp đồng vay, Giấy nhận nợ theo từng kỳ vay.

Định kỳ CTCK phải đánh giá khả năng trả nợ vay từ phần đóng góp Quỹ Hỗ trợ thanh toán của thành viên khác.

4.10.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán:

Phí phải trả các tổ chức cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán được xác định phù hợp với khối lượng giao dịch được thực hiện và giá phí thỏa thuận giữa tổ chức cung cấp dịch vụ và CTCK. Khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán được ghi nhận trên nguyên tắc có cam kết cung cấp dịch vụ cho khách hàng phù hợp với doanh thu thực hiện đối với nghiệp vụ kinh doanh cấp phép của CTCK.

4.10.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán:

Khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán bao gồm các khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do CTCK thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

4.10.4. Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải trả cổ tức hoặc lợi nhuận cho các cổ đông hoặc thành viên góp vốn:

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu phải đảm bảo nguyên tắc:

CTCK được phân chia lợi nhuận của CTCK cho chủ sở hữu tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về hướng dẫn thành lập và quản lý CTCK và chi phân phối lợi nhuận đã thực hiện của năm trước (N-1);

Số lợi nhuận đã sử dụng để phân phối đã được tính trừ bởi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm N và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến mốc thời điểm xác định phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu (N+x) (nếu có) và khấu trừ đầy đủ các loại thuế có liên quan đến thu nhập của chủ sở hữu được phân phối (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.10.5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:**4.10.5.1. Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo báo cáo thu nhập toàn diện riêng riêng, ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến kỳ trước.

4.10.5.2. Thuế Thu nhập cá nhân

Đối với cá nhân trong nước và cá nhân nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn thực hiện luật thuế thu nhập cá nhân, luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật thuế thu nhập cá nhân và nghị định số 65/2013/NĐ-CP của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật thuế thu nhập cá nhân và luật sửa đổi, bổ sung một số điều thuế thu nhập cá nhân” và thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính.

4.10.6. Kế toán chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn

Chi phí phải trả trong hoạt động của CTCK bao gồm các khoản trích trước chi phí lãi vay phải trả, chi phí giao dịch mua, bán các tài sản tài chính, chi phí hoạt động CTCK.

Việc trích trước chi phí phát sinh trong kỳ được tính toán chặt chẽ, chi tiết theo từng loại chi phí trích trước như lập dự toán chi phí và dự toán trích trước. Khi phát sinh các chi phí thực tế liên quan đến các khoản trích trước, phải tiến hành tất toán các khoản trích trước. Nếu chi phí thực tế lớn hơn khoản đã trích trước thì được ghi nhận bổ sung các chênh lệch thiếu. Nếu chi phí thực tế nhỏ hơn khoản đã trích trước thì phải ghi giảm chi phí tương ứng với số trích trước cao hơn chi phí thực tế.

Nguyên tắc trích trước chi phí hoạt động CTCK:

- Trích trước chi phí hoạt động theo giá trị tài sản quản lý mà các Tổ chức cung cấp dịch vụ quản lý;
- Trích trước chi phí hoạt động theo giá trị giao dịch thực hiện mà các Tổ chức cung cấp dịch vụ cung cấp;
- Trích trước chi phí hoạt động theo giá trị Hợp đồng kinh tế thực hiện và khối lượng dịch vụ mà Hợp đồng này cung cấp;
- Trích trước theo số phê duyệt của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên, như chi phí hợp Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên.

4.10.7. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản phải trả, phải nộp khác:

Các khoản phải trả phải nộp khác bao gồm các khoản phải trả, phải nộp (ngoài các khoản phải trả người bán, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng) và doanh thu nhận trước về các dịch vụ đã cung

cấp cho khách hàng, các khoản chênh lệch giá phát sinh trong giao dịch bán thuê lại tài sản là thuê tài chính hoặc thuê hoạt động.

Các khoản phải trả phải nộp khác được theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

4.11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu của CTCK:

4.11.1. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

CTCK ghi nhận vốn điều lệ là vốn thực góp của các cổ đông, tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh đã được cấp phép, kể cả nghiệp vụ kinh doanh được UBCK chấp nhận bổ sung.

4.11.2. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận CTCK:

a. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận đã thực hiện:

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo thu nhập toàn diện của CTCK lũy kế phát sinh trong kỳ. Trong đó tổng thu nhập, doanh thu bao gồm: Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ kinh doanh chứng khoán có tính đến các khoản giảm trừ doanh thu cung cấp dịch vụ này (nếu có), Lãi bán các tài sản tài chính thuộc Danh mục tài sản chính của CTCK, doanh thu cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính; Doanh thu hoạt động tài chính, Thu nhập khác. Các khoản chi phí bao gồm: Chi phí trực tiếp, gián tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán, có tính đến các khoản ghi giảm chi phí; Lỗ bán các tài sản tài chính, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, lỗ suy giảm các tài sản tài chính và chi phí đi vay, các khoản dự phòng, chi phí giao dịch bán tài sản tài chính, chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý CTCK, chi phí khác.

4.11.3. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận của CTCK

Việc phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCK và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4.12. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận doanh thu và thu nhập CTCK

4.12.1. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính

a. Từ các TSTC: FVTL, HTM, AFS

Thu nhập được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch tăng (Lãi bán) giữa giá bán và giá vốn các tài sản tài chính FVTPL bán ra hoặc khoản chênh lệch đánh giá lại TSTC FVTPL cuối kỳ kế toán phù hợp với các quy định của chuẩn mực kế toán các công cụ tài chính và quy định của Chế độ kế toán áp dụng cho CTCK.

Thu nhập phát sinh từ danh mục tài sản tài chính của CTCK (FVTL, HTM, các khoản cho vay, AFS) được ghi nhận trong kỳ kế toán khi đảm bảo là công ty chứng khoán nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào thu nhập thì khoản phải thu và dự phòng

không có khả năng thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được này phải được lập dự phòng và ghi tăng chi phí liên quan đến kinh doanh Danh mục tài sản tài chính của CTCK. Khi đánh giá lại khả năng phải thu, dự thu tiền về khoản phải thu, dự thu tiền về khoản phải thu về bán các tài sản tài chính hoặc cổ tức, tiền lãi đã lập dự phòng không có khả năng thu hồi của kỳ kế toán, điều chỉnh tăng dự phòng ghi tăng chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng đã lập để ghi giảm chi phí liên quan đến kinh doanh Danh mục Tài sản tài chính của CTCK.

Cổ tức lợi nhuận được chia phát sinh từ các Tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của CTCK: FVTVL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty chứng khoán được quyền nhận cổ tức từ quyền cổ phiếu đã được xác lập (tại ngày không hưởng quyền) đối với cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của CTCK hình thành trước ngày không hưởng quyền và có Thông báo chia cổ tức của Tổ chức phát hành đã được xác lập (theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Đại hội thành viên về chia cổ tức, căn cứ vào tất cả các nguồn thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, trang Web của tổ chức phát hành, Trung tâm lưu ký, thông tin lấy trên hệ thống Bloomberg, Reuter).

Cổ tức không được ghi nhận cho công ty chứng khoán đối với các cổ phiếu giao dịch sau ngày không hưởng quyền.

Đối với cổ phiếu thường chỉ ghi nhận tăng số lượng cổ phiếu được hưởng (tại ngày không hưởng quyền) mà không ghi tăng thu nhập của công ty chứng khoán.

Tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục TSTC của CTCK: FVTVL, HTM, AFS, Các khoản cho vay được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán. Trong đó:

+ Lãi suất thực tế là tỷ lệ lãi dùng để quy đổi các khoản tiền nhận được trong tương lai trong suốt thời gian cho bên khác sử dụng tài sản trên cơ sở giá trị ghi nhận ban đầu tại thời điểm chuyển giao tài sản cho bên sử dụng. Doanh thu tiền lãi bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị của nó khi đáo hạn.

+ Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư đã được dồn tích trước khi CTCK mua lại khoản đầu tư đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư, CTCK phải phân bổ vào các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi các Tài sản tài chính được mua (Sau khi được chuyển quyền sở hữu) mới được ghi nhận là doanh thu tiền lãi của CTCK. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi TSTC được mua hạch toán giảm giá trị chính các tài sản tài chính đó.

b. Từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết)

Cổ tức lợi nhuận nhận được từ khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào doanh thu tài chính

4.12.2. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thu nhập, lỗ và chi phí giao dịch các tài sản tài chính

a. Ghi nhận thu nhập đầu tư và ghi nhận lỗ tài sản tài chính

Lỗ và chi phí giao dịch tài sản tài chính gồm lỗ do bán các tài sản tài chính hoạt động tự doanh FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các Tài sản tài chính của CTCK, chi phí (Hoặc hoàn nhập dự phòng) dự phòng phải thu có khả năng thu hồi vốn, chi phí dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp và chi phí đầu tư khác.

Đối với tài sản tài chính FVTPL (loại chứng khoán niêm yết), các tài sản tài chính này được bán sẽ được ghi nhận giảm số lượng và giá trị theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

b. Ghi nhận chi phí giao dịch mua bán các Tài sản tài chính:

Chi phí môi giới, phí giao dịch, phí chuyển tiền mua tài sản tài chính phải trả cho các tổ chức cung cấp dịch vụ mua các tài sản tài chính hoặc đầu tư được ghi nhận tăng Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và ghi tăng khoản phải trả người bán.

c. Ghi nhận dự phòng và hoàn nhập khoản phải thu khó đòi:

Trường hợp lập dự phòng phải thu khó đòi về bán tài sản tài chính cần được lập và theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải thu khó đòi.

Tại kỳ đầu tiên tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi ghi tăng lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và ghi nhận tăng khoản Dự phòng suy giảm các khoản phải thu.

Tại kỳ tiếp theo cần đánh giá lại khả năng đòi được khoản nợ khó đòi, tăng hoặc giảm khoản lập dự phòng sẽ được ghi nhận vào lỗ và chi phí giao dịch mua các Tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và tiến hành điều chỉnh vào Dự phòng suy giảm các khoản phải thu.

4.13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính trong CTCK bao gồm doanh thu từ chênh lệch tỷ giá hối đoái, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định, doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh, doanh thu đầu tư khác.

- Doanh thu hoạt động tài chính của CTCK được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi đảm bảo là CTCK nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu hoạt động tài chính thì khoản phải thu và dự thu không có khả năng thu hồi hoặc không chắc chắn thu hồi được phải được trích lập dự phòng hoặc ghi giảm doanh thu. Khi đánh giá lại khả năng phải thu, dự thu tiền lãi đã lập dự phòng về giá trị không có khả năng thu hồi của kỳ kế toán, tiến hành điều chỉnh tăng dự phòng ghi tăng chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng đã được đề nghị ghi giảm chi phí.

+ Doanh thu hoạt động tài chính được theo dõi chi tiết theo từng tài sản tài chính phát sinh cổ tức, tiền lãi.

- Chi phí tài chính của CTCK gồm chênh lệch tỷ giá hối đoái (chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã được thể hiện và chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ), chi phí lãi vay, lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, chi phí tài chính khác của CTCK.

+ Chi phí tài chính được theo dõi chi tiết và lập báo cáo tổng hợp riêng từ cơ cấu tài sản tài chính đáp ứng nhu cầu quản lý của CTCK và yêu cầu giám sát hoạt động của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành;

- Doanh thu từ cổ tức, lợi nhuận được xác định theo nguyên tắc:

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết hoặc đầu tư dài hạn khác được ghi nhận khi CTCK được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập (tại ngày không hưởng quyền) đối với cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của CTCK hình thành trước ngày không được hưởng quyền và có thông báo chia cổ tức của Tổ chức phát hành đã được xác lập (Theo nghị quyết Đại hội cổ đông, Đại hội thành viên về chia cổ tức (Căn cứ vào tất cả các nguồn thông tin, thông báo mà CTCK nhận được như trên trang điện tử của các Sở giao dịch chứng khoán, trang Web của Tổ chức phát hành, Trung tâm lưu ký, thông tin lấy trên hệ thống Bloomberg, Reuter).

+ Cổ tức không được ghi nhận cho CTCK đối với các cổ phiếu giao dịch sau ngày không hưởng quyền.

+ Đối với cổ phiếu thường, chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng (tại ngày không hưởng quyền) mà không ghi tăng thu nhập của CTCK.

- Ghi nhận chi phí lãi vay;

+ Chi phí lãi vay được ghi nhận bao gồm chi phí lãi vay đã được thực hiện và dự chi phải trả của CTCK phát sinh trong kỳ;

- Ghi nhận doanh thu tài chính khác;

+ Bao gồm các khoản doanh thu hoạt động đầu tư bị xóa sổ nay đòi được...

+ Ghi nhận chi phí đầu tư khác;

+ Bao gồm các chi phí khác phát sinh trong kỳ ngoại trừ các chi phí kể trên;

4.14. Nguyên tắc ghi nhận quản lý CTCK

Chi phí quản lý CTCK gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý CTCK, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý CTCK, tiền thuê đất, thuế môn bài, dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...), chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách....);

Chi phí quản lý CTCK được theo dõi chi tiết theo từng nội dung chi phí hoạt động quản lý kinh doanh của CTCK theo quy định.

4.15. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác, chi phí khác:

a. Ghi nhận thu nhập khác: Thu nhập khác là các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh, đầu tư của CTCK.

Nội dung các khoản thu nhập khác của CTCK gồm:

- Thu nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ cho hoạt động của CTCK.
- Các khoản thuế được Ngân sách Nhà nước hoàn lại (nếu có);
- Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Số nợ phải thu đã xóa sổ nếu sau khi đã xóa nợ, khách hàng có khả năng thanh toán và CTCK đã đòi được nợ đã xử lý (Được theo dõi trên TK ngoài bảng “Nợ khó đòi đã xử lý”) thì số nợ thu được sẽ hạch toán vào Tài khoản “Thu nhập khác”
- Thu bồi thường về tổn thất tài sản của CTCK;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên;

b. Ghi nhận chi phí khác:

Chi phí khác là khoản chi phí bất thường, phát sinh ngoài các khoản chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh của CTCK, gồm:

- Khoản lỗ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Bị phạt do vi phạm hợp đồng;
- Bị phạt thuế, truy thu nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác;

4.16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo báo cáo thu nhập toàn diện riêng và không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tình hình tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

4.17 Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày trên Báo cáo tài chính về tài sản và nợ phải trả khách hàng

Tài sản

CTCK quản lý tách bạch tiền gửi giao dịch chứng khoán của từng khách hàng, tách bạch tiền của khách hàng với tiền của công ty chứng khoán.

CTCK xây dựng hệ thống quản lý tách bạch tiền của khách hàng theo phương thức CTCK quản lý. Ngoài ra, công ty chứng khoán có thể xây dựng bổ sung hệ thống theo phương thức NHTM để khách hàng lựa chọn:

- a) Khách hàng của CTCK mở tài khoản trực tiếp tại ngân hàng thương mại do công ty chứng khoán lựa chọn để quản lý tiền giao dịch chứng khoán.
- b) Công ty chứng khoán mở tài khoản chuyên dụng tại ngân hàng thương mại để quản lý tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng. Tài khoản chuyên dụng phải mở riêng biệt và tách bạch với các tài khoản khác của công ty chứng khoán. Tài khoản chuyên dụng này chỉ phục vụ cho giao dịch khách hàng.

Công ty chứng khoán có trách nhiệm thiết lập hệ thống kế toán để quản lý tiền gửi của từng nhà đầu tư. Công ty chứng khoán có nghĩa vụ xác định số dư (nếu có) của từng khách hàng bất cứ lúc nào theo yêu cầu của khách hàng và cung cấp sao kê chi tiết số dư tiền (nếu có) của từng khách hàng bất cứ lúc nào theo yêu cầu của khách hàng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CTCK

5.1 Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với CTCK

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự toán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả kinh doanh của Công ty.

5.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng được đánh giá ở mức thấp. Công ty có rủi ro tín dụng từ các khoản tiền gửi ngân hàng, khoản phải thu khách hàng và đầu tư tài chính. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ theo đúng hợp đồng. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của các khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty bị giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty.

5.3 Rủi ro thanh khoản:

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

5.4 Rủi ro thị trường:

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro; rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

5.5 Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty duy trì số dư tài sản bằng tiền có

gốc ngoại tệ ở mức độ hợp lý để đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng thường xuyên và đảm bảo nghĩa vụ phải trả đến hạn bằng tiền có gốc ngoại tệ.

5.6 Các rủi ro khác về giá:

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

A THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

7.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Tiền mặt tại quỹ	601.490.202	3.028.902.882
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	62.475.982.219	21.327.039.151
+ Tiền gửi tại NHTM CP Đầu tư và PTVN (BIDV)	14.056.760.295	4.809.764.843
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	17.002.624	16.483.186.152
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	40.001.657.600	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.700.982.865	-
+ Các ngân hàng khác	699.578.835	34.088.156
- Các khoản tương đương tiền	-	361.000.000.000
Cộng	63.077.472.421	385.355.942.033

7.2 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện CP/TP	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ VND
Của Công ty chứng khoán	5.927.040	180.974.075.000
- Cổ phiếu niêm yết	4.527.000	127.774.075.000
- Cổ phiếu chưa niêm yết	1.400.000	13.200.000.000
- Trái phiếu chưa niêm yết	40	40.000.000.000
Của Nhà đầu tư	149.881.948	2.561.096.543.980
- Cổ phiếu	148.852.448	2.560.609.737.980
- ETF	286.800	99.928.000
- Chứng quyền bảo đảm	742.700	386.878.000
Cộng	155.808.988	2.742.070.618.980

7.3 CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

Tài sản FVTPL	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính niêm yết	784.700.000	200.718.000	784.700.000	966.420.000
- Cổ phiếu	784.700.000	200.718.000	784.700.000	966.420.000
Tài sản tài chính chưa niêm yết	155.750.000.000	155.293.367.613	80.250.000.000	80.250.000.000
- Cổ phiếu	66.250.000.000	66.250.000.000	80.250.000.000	80.250.000.000
- Trái phiếu	40.000.000.000	40.000.000.000		
- Chứng chỉ quỹ	49.500.000.000	49.043.367.613		
Cộng	156.534.700.000	155.494.085.613	81.034.700.000	81.216.420.000

(Chi tiết xem phụ lục 1)

7.3.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tài sản HTM)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	275.400.000.000	67.000.000.000
Cộng	275.400.000.000	67.000.000.000

(*) Bao gồm các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trả lãi cuối kỳ tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 4,4% - 6,3%/năm.

7.3.4 Các khoản cho vay

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ	34.111.409.460	34.111.409.460	1.270.135.667	1.270.135.667
- Hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	1.976.219.664	1.976.219.664	121.239.331	121.239.331
Cộng	36.087.629.124	36.087.629.124	1.391.374.998	1.391.374.998

Giá trị hợp lý các khoản phải thu từ hoạt động cho vay khách hàng hiện được xác định theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng suy giảm giá trị cho vay.

7.3.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính (Chi tiết xem Phụ lục 1)

7.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

7.5.1 Các khoản phải thu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Phải thu tiền lãi giao dịch ký quỹ	642.767.349	44.053.389
- Phải thu tiền lãi UTTB CK	4.252.521	396.618
- Phải thu tiền lãi Tiền gửi có kỳ hạn	1.489.490.960	4.595.506.850
Cộng	2.136.510.830	4.639.956.857

7.5.2 Trả trước cho người bán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Công ty TNHH AAD HOME		142.000.000
- Các khách hàng khác	1.300.000	
Cộng	1.300.000	142.000.000

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Tầng 1, 1A, 2 số 389 Đê La Thành
 Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

7.5.3 Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
+ Công ty Cổ phần Cơ giới và xây dựng Thăng Long	18.000.000	18.000.000
+ Công ty Cổ phần Vàng Châu Á	16.500.000	16.500.000
+ Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	15.000.000	15.000.000
+ Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước	4.000.000	4.000.000
+ Tổng CTY Xây dựng công trình Giao thông-CTCP	170.000.000	170.000.000
+ Công ty CP Đầu tư EGO Việt Nam	55.000.000	55.000.000
+ Công ty TNHH MTV Thương mại Thọ Phát	1.180.000.000	-
Cộng	1.458.500.000	278.500.000

Trong đó: Phải thu khó đòi:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Tổng CTY Xây dựng công trình Giao thông-CTCP	170.000.000	170.000.000
- Công ty Cổ phần Vàng Châu Á	16.500.000	16.500.000
- Công ty CP Viễn thông Thăng Long	15.000.000	15.000.000
- Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước	4.000.000	4.000.000
- Công ty CP Đầu tư EGO Việt Nam	55.000.000	-
Cộng	260.500.000	205.500.000

7.5.4 Phải thu khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Trần Văn Cường	238.918.663	238.918.663
- Công ty Cổ phần Nha khoa Bắc Nam	95.936.476	95.936.476
- Thuế TNCN của NGT	-	14.077.501
- Phải thu khác	3.372.442	1.200.000
Cộng	338.227.581	350.132.640

Trong đó: Phải thu khó đòi:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Trần Văn Cường	238.918.663	238.918.663
- Công ty Cổ phần Nha khoa Bắc Nam	95.936.476	95.936.476
- Các khách hàng khác	1.200.000	1.200.000
Cộng	336.055.139	336.055.139

7.6 DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay		
		Số đầu năm	Số trích lập dự phòng bổ sung/hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
- Công ty Cổ phần Nha Khoa Bắc Nam	95.936.476	95.936.476	-	95.936.476
- Trần Văn Cường	238.918.663	238.918.663	-	238.918.663
- Lê Như Hùng	1.200.000	1.200.000	-	1.200.000
- Công ty Cổ phần Vàng Châu Á	16.500.000	16.500.000	-	16.500.000
- Công ty CP Viễn thông Thăng Long	15.000.000	15.000.000	-	15.000.000
- Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước	4.000.000	4.000.000	-	4.000.000
- Tổng CTY Xây dựng công trình Giao thông-CTCP	170.000.000	170.000.000	-	170.000.000
- Công ty CP Đầu tư EGO Việt Nam	55.000.000	-	27.500.000	27.500.000
Cộng	596.555.139	541.555.139	27.500.000	569.055.139

7.7 TẠM ỨNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Các cá nhân khác	33.271.869	141.361.356
Cộng	33.271.869	141.361.356

7.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a. Chi phí trả trước ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
- Phí bảo trì phần mềm		260.000.000	260.000.000
- Công cụ dụng cụ			34.025.001
- Thuê văn phòng		31.220.000	31.220.000
- Sửa chữa văn phòng		38.916.600	
- Chi phí khác		111.045.502	287.826.428
Cộng		441.182.102	613.071.429

b. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ	223.657.854	828.624.057
- Sửa chữa văn phòng	1.384.548.600	2.387.429.684
- Bảo trì phần mềm	42.006.000	70.002.000
- Chi phí khác	14.657.455	56.012.759
Cộng	1.664.869.909	3.342.068.500

7.9 TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	2.051.759.695	1.797.659.202
- Tiền lãi phân bổ	1.694.331.775	1.373.532.073
Cộng	3.866.091.470	3.291.191.275

7.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND				
Nội dung	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ				-
Số dư đầu năm	4.310.742.332	820.737.000	132.710.000	5.264.189.332
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	820.737.000	-	820.737.000
Thanh lý nhượng bán		820.737.000		820.737.000
Số cuối năm	4.310.742.332	-	132.710.000	4.443.452.332
Hao mòn TSCĐ				
Số dư đầu năm	3.062.849.498	820.737.000	126.650.912	4.010.237.410
Tăng trong năm	461.490.780	-	6.059.088	467.549.868
- Kh.hao trong năm	461.490.780			461.490.780
- Phân loại lại		-	6.059.088	6.059.088
Giảm trong năm	6.059.088	820.737.000	-	826.796.088
- Phân loại lại	6.059.088			6.059.088
Thanh lý nhượng bán	-	820.737.000		820.737.000
Số dư cuối năm	3.518.281.190	-	132.710.000	3.650.991.190
Giá trị còn lại				
Đầu năm	1.247.892.834	-	6.059.088	1.253.951.922
Số cuối năm	792.461.142	-	-	792.461.142

- Nguyên giá TSCĐ tại thời điểm 31/12/2023 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng : 2.160.234.787 đồng

- Giá trị còn lại của TSCĐ đem thế chấp, cầm cố tại thời điểm 31/12/2023: 0 VND

7.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Nội dung	Hệ thống phần mềm	Đơn vị tính: VND	
		TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			-
Số dư đầu năm	3.037.391.700		3.037.391.700
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	- 3.037.391.700	-	3.037.391.700
Hao mòn TSCĐ			
Số dư đầu năm	1.983.646.274		1.983.646.274
Tăng trong năm	310.435.944	-	310.435.944
- Khấu hao trong năm	310.435.944		310.435.944
Số dư cuối năm	- 2.294.082.218	-	2.294.082.218
Giá trị còn lại			
Đầu năm	- 1.053.745.426	-	1.053.745.426
Cuối năm	- 743.309.482	-	743.309.482

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 1.485.162.000 VND.

7.12 CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ THỂ CHẤP

TÀI SẢN	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	46.832.800.000	385.731.129
+ Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh (*)	46.832.800.000	-
b. Dài hạn	256.603.506	35.516.491.304
+ Công ty CP vật liệu xây dựng Hà Nội (**)		35.516.491.304
+ Ký quỹ thuê nhà khác	256.603.506	-
Cộng	- 47.089.403.506	35.902.222.433

(*) Đây là khoản đặt cọc cho ông Nguyễn Ngọc Quỳnh và bà Nguyễn Lê Hoa theo Văn bản thỏa thuận đặt cọc số 2711/VBTTĐC/50CUABAC: Công ty CP chứng khoán Alpha đồng ý đặt cọc số tiền là 46.832.800.000 VND cho Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh và Bà Nguyễn Lê Hoa để đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 50 phố Cửa Bắc, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, Hà Nội. Tiền đặt cọc không được tính lãi trong suốt thời gian đặt cọc và được trừ vào tiền mua Bất động sản theo hợp đồng mua bán.

(**) Đây là khoản đặt cọc cho công ty CP vật liệu xây dựng Hà Nội để tuân thủ và thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thuê văn phòng tại địa chỉ 389 Đê La Thành, thời gian thuê là 33 năm, tiền thuê trả hàng năm. Tiền thuê văn phòng sẽ được khấu trừ từ tiền đặt cọc.

Đến thời điểm 23/6/2023 Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Hà Nội đã hoàn trả lại tiền đặt cọc cho Cổ phần chứng khoán Alpha.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Tầng 1, 1A, 2 số 389 Đê La Thành
 Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

7.13 TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐKGD CỦA CÔNG TY CK	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	826.000.000	826.000.000
Cộng	826.000.000	826.000.000
7.17 TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	155.750.000.000	80.250.000.000
Cộng	155.750.000.000	80.250.000.000
7.20 TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐKGD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	613.631.350.000	540.930.560.000
- TSTC giao dịch hạn chế chuyển nhượng	2.281.000.000	1.711.000.000
- TSTC giao dịch cầm cố	65.715.510.000	80.078.810.000
- TSTC phong tỏa, tạm giữ	79.869.980.000	-
- TSTC chờ thanh toán	2.937.070.000	843.670.000
Cộng	764.434.910.000	623.564.040.000
7.21 TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Đã lưu ký tại VSD và chưa GD tự do chuyển nhượng	-	2.356.400.000
- Đã lưu ký tại VSD và chưa GD, hạn chế chuyển nhượng	1.279.510.000	10.000.000.000
Cộng	1.279.510.000	12.356.400.000
7.25 TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>		
- Tiền gửi của NĐT trong nước	32.653.127.459	39.414.077.046
- Tiền gửi của NĐT nước ngoài	112.481.424	110.463.196
Cộng	32.765.608.883	39.524.540.242
7.28 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Phải trả cho Sở giao dịch chứng khoán	77.238.505	29.739.963
- Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán	24.054.260	20.159.862
Cộng	101.292.765	49.899.825

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Tầng 1, 1A, 2 số 389 Đê La Thành
 Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

7.30 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Thuế GTGT	2.320.104	800
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	178.256.881	-
- Thuế thu nhập cá nhân	254.845.424	302.471.724
Cộng	435.422.409	302.472.524

7.32 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi Hợp đồng quản lý tiền gửi	2.286.986.301	411.859.658
Bảo trì UTS		6.000.000
Chi phí khác	125.452.508	119.824.100
Cộng	2.412.438.809	537.683.758

7.34 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Công ty TNHH Hệ thống thông tin NH tài chính FPT	24.000.000	24.000.000
- CT TNHH SX Nội Thất Vĩnh Phát		19.588.769
- Công ty cổ phần tập đoàn Hoàng Minh	778.316.584	
- Phải trả người bán khác	31.543.403	
Cộng	833.859.987	43.588.769

7.35 PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	50.049.922.098	51.440.353.553
- Phải trả tiền thuế TNCN	-	
- Phải trả khác	50.049.922.098	
+ <i>Hợp đồng quản lý tiền gửi</i>	<i>50.049.922.098</i>	<i>51.440.353.553</i>
Công ty CP Công nghệ TECHLAB (*)	50.000.000.000	
Công ty CP XNK Nông sản thực phẩm An Giang	-	50.300.000.000
Nguyễn Thị Phương Lan	-	1.060.000.000
Đối tượng khác	49.922.098	80.353.553
Cộng	50.049.922.098	51.440.353.553

(*): Đây là khoản phải trả Công ty CP Công nghệ Techlab về khoản nhận quản lý tiền gửi cho khách hàng theo Hợp đồng quản lý tiền gửi qua tài khoản giao dịch chứng khoán số 01/25072023/QLTTKGDCK/APSC-TECHLAB ngày 25/07/2023 về việc Công ty CP chứng khoán Alpha quản lý tiền cho TECHLAB. Thời hạn quản lý tiền: Từ 25/07/2023 đến 25/01/2024, lãi suất 10,5%/năm.

(**): Đây là khoản phải trả Công ty CP XNK Nông sản thực phẩm An Giang về khoản nhận quản lý tiền gửi cho khách hàng theo Hợp đồng quản lý tiền gửi qua tài khoản giao dịch chứng khoán số QLT01/2021/APSC ngày 05/08/2021 và các phụ lục kèm theo giữa công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang với công ty cổ phần chứng khoán Alpha. Đến thời điểm 31/12/2023 Công ty CP chứng khoán Alpha đã trả lại toàn bộ khoản tiền này cho Công ty CP XNK Nông sản thực phẩm An Giang.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Tầng 1, 1A, 2 số 389 Đê La Thành
 Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

7.38 VAY VÀ NỢ

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
Vay và nợ ngắn hạn	6.553.000.000	-	6.553.000.000	-
Vay ngân hàng SHB	6.553.000.000		6.553.000.000	-
CỘNG	6.553.000.000	-	6.553.000.000	-

7.39 PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ - TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Số cuối năm

Số đầu năm

	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi GDCK theo phương thức CTCK quản lý	32.765.608.883	39.524.540.242
- Của nhà đầu tư trong nước	32.653.127.459	39.414.077.046
- Của nhà đầu tư nước ngoài	112.481.424	110.463.196
Cộng	32.765.608.883	39.524.540.242

7.40 PHẢI TRẢ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY CK

Số cuối năm

Số đầu năm

	VND	VND
- Phải trả công ty CK về hoạt động tư vấn	1.458.500.000	278.500.000
Cộng	1.458.500.000	278.500.000

7.42 PHẢI TRẢ VAY CTCK CỦA NĐT

(Các khoản cho vay - TM 7.3.4)

Số cuối năm

Số đầu năm

	VND	VND
- Phải trả hoạt động giao dịch ký quỹ	34.754.176.809	1.314.189.056
Tiền gốc	34.111.409.460	1.270.135.667
Tiền lãi	642.767.349	44.053.389
- Phải trả hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	1.980.472.185	121.635.949
Gốc nghiệp vụ UTTB CK	1.976.219.664	121.239.331
Lãi nghiệp vụ UTTB CK	4.252.521	396.618
Cộng	36.734.648.994	1.435.825.005

7.43 LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

Số cuối năm

Số đầu năm

	VND	VND
- Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	3.086.995.774	(4.736.469.567)
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(1.040.614.387)	181.720.000
Cộng	2.046.381.387	(4.554.749.567)

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Tầng 1, 1A, 2 số 389 Đê La Thành
Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

* THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

6	Cổ phiếu đang lưu hành	Số cuối năm	Số đầu năm
		CP	CP
	Loại > 1 năm	52.757.460	52.757.460
	Cộng	52.757.460	52.757.460
8	Chứng khoán niêm yết lưu ký tại VSD	Số cuối năm	Số đầu năm
		CP	CP
	Loại <= 1 năm	82.600	82.600
	Cộng	82.600	82.600
12	CK chưa niêm yết chưa lưu ký của công ty CK	Số cuối năm	Số đầu năm
		CP	CP
	Loại <= 1 năm	11.575.000	8.025.000
	Loại > 1 năm	40	
	Cộng	11.575.040	8.025.000

B THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

7.45.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1.119.075.000	298.853.109
+ Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL (*)	1.119.075.000	54.140.781
+ Lãi Tiền gửi có kỳ hạn	-	244.712.328
- Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	60.050.200	181.889.000
- Cổ tức	-	7.200
Cộng	1.179.125.200	480.749.309

(Chi tiết xem Phụ lục 2)

7.45.2 Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính (phụ lục 1)

7.45.3 Tiền lãi phát sinh từ các khoản cho vay, HTM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi từ tài sản tài chính HTM	7.884.228.010	5.280.649.316
+ Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.884.228.010	5.280.649.316
- Lãi từ các khoản phải thu	2.812.838.898	2.230.566.801
+ Lãi cho vay từ hoạt động giao dịch ký quỹ	2.289.383.936	1.525.569.586
+ Lãi cho vay từ hoạt động UTTBCK	523.454.962	704.997.215
Cộng	10.697.066.908	7.511.216.117

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Tầng 1, 1A, 2 số 389 Đê La Thành
 Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

7.45.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu phí Giao dịch chứng khoán	4.802.333.055	7.431.036.168
- Doanh thu môi giới khác	16.444.000.000	-
+ <i>Phí môi giới Trái phiếu (*)</i>	16.444.000.000	-
Cộng	21.246.333.055	7.431.036.168

(*) Là khoản phí môi giới trái phiếu giữa công ty CP Chứng khoán Alpha với Công ty CP Hùng Vương Capital số 0304/2023/APSC-HVC ngày 03/04/2023 về việc tìm kiếm và giới thiệu các trái chủ theo yêu cầu của công ty CP Hùng Vương. Giao dịch mua lại trái phiếu giữa công ty cổ phần Hùng Vương và khách hàng sở hữu trái chủ theo yêu cầu được thực hiện qua Công ty cổ phần chứng khoán An Bình. Công ty Cổ phần chứng khoán Alpha được hưởng 1% trên giá trị giao dịch. Đến thời điểm 05/07/2023 Công ty CP chứng khoán Alpha và công ty Cổ phần Hùng Vương đã ký thanh lý hợp đồng, hoàn thành việc tìm kiếm và giới thiệu khách hàng. Dịch vụ giới thiệu khách hàng mua trái phiếu nêu trên công ty đang xác định là dịch vụ không chịu thuế GTGT.

7.45.5 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Phí tư vấn đầu tư	25.000.000	8.919.970.910
Cộng	25.000.000	8.919.970.910

7.45.7 Doanh thu hoạt tư vấn tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
+ Dịch vụ tư vấn niêm yết, tư vấn chuyển nhượng vốn	555.749.773	-
+ Dịch vụ tư vấn Đại hội cổ đông	240.000.000	90.909.091
+ Dịch vụ tư vấn tái cấu trúc tài chính (*)	1.950.000.000	-
+ Dịch vụ tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp (**)	8.500.000.000	-
Dịch vụ tư vấn khác	1.070.000.000	210.000.000
Cộng	12.315.749.773	300.909.091

(*) Là khoản doanh thu với Công ty CP Điện Gia Lai theo Hợp đồng tư vấn tái cấu trúc tài chính số 01/2023/HĐKT/GEC-APSC ngày 23/05/2023. Dịch vụ tư vấn hoàn tất và 2 bên đã ký thanh lý hợp đồng ngày 11/08/2023.

(**) Là doanh thu phát sinh với Công ty TNHH MTV Thương mại Thọ Phát và Công ty TNHH MTV Chế biến thực phẩm Thọ Phát theo Hợp đồng tư vấn tái cơ cấu số 01/2023/HĐTV/APSC-THOPHAT ngày 13/02/2023. Hợp đồng đã hoàn tất và được 2 bên nghiệm thu, ký thanh lý hợp đồng ngày 28/12/2023.

7.45.8 Doanh thu hoạt động khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
+ Phí chuyển khoản, phí tất toán tài khoản	23.071.951	21.660.450
+ Doanh thu khác	66.601.581	1.369.298.301
Cộng	89.673.532	1.390.958.751

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Tầng 1, 1A, 2 số 389 Đê La Thành
Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

7.46 Doanh thu hoạt động tài chính**Năm nay****Năm trước****VND****VND**

- Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng không cố định

256.890.940

193.799.679

Cộng**256.890.940****193.799.679****7.47 Chi phí hoạt động****Năm nay****Năm trước****VND****VND**

- Lỗ các TSTC ghi nhận thông qua lãi lỗ
- + *Lỗ bán Tài sản tài chính (*)*
- + *Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL (**)*
- + *Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL*
- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán
- Chi phí tư vấn tài chính

2.182.384.587

3.406.204.000

900.000.000

2.977.930.000

1.282.384.587

424.105.000

-

4.169.000

8.988.526.686

7.947.845.569

-

75.000.000

238.353.787

205.093.468

3.760.298.480

2.495.553.842

Cộng**15.169.563.540****14.129.696.879**

(*) Chi tiết xem phụ lục 2

(**): Chi tiết xem phụ lục 1

7.50 Chi phí quản lý CTCK**Năm nay****Năm trước****VND****VND**

- Chi phí lương và các khoản khác theo lương
- Chi phí vật tư văn phòng, CCDC
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác
- Chi phí dự phòng

11.007.515.875

9.230.061.176

1.826.997.527

1.444.146.025

166.554.120

181.479.766

18.255.000

261.442.857

2.557.441.656

2.615.446.542

2.289.898.481

2.266.756.012

27.500.000

Cộng**17.894.162.659****15.999.332.378****7.51 Thu nhập khác****Năm nay****Năm trước****VND****VND**

- Khác
- Cộng**

43.548.795

91.700.774

43.548.795**91.700.774****7.52 Chi phí khác****Năm trước****Năm trước****VND****VND**

- *Phạt vi phạm HC, phạt chậm nộp thuế,...*
- Cộng**

100.195

-

100.195

7.53 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	610.834.821	-
Cộng	610.834.821	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế	7.211.965.775	(5.594.922.599)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.285.162.800	151.968.128
- Điều chỉnh giảm	(1.222.334.387)	(7.200)
+ Cổ tức	-	(7.200)
+ Lỗ do đánh giá lại TSTC	(1.222.334.387)	
- Điều chỉnh tăng	62.828.413	151.975.328
+ Phạt vi phạm HC, phạt chậm nộp thuế,...		100.195
+ Chi phí không hợp lệ (chi dự phòng không đủ hồ sơ)		151.875.133
+ Chi phí không hợp lệ khác	62.828.413	
Tổng lợi nhuận chịu thuế	8.497.128.575	(5.442.954.471)
Lỗ lũy kế năm trước chuyển sang	(5.442.954.471)	
Tổng lợi nhuận tính thuế năm hiện hành	3.054.174.104	(5.442.954.471)
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	610.834.821	-

Lỗ chuyển sang từ các năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND					
Năm phát sinh lỗ	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ được chuyển	Số lỗ đã chuyển đến 01/01/2023	Lỗ chuyển năm 2023	Số lỗ còn được chuyển đến 31/12/2023
2022	2027	(5.442.954.471)	-	(5.442.954.471)	-
Cộng		(5.442.954.471)	-	(5.442.954.471)	-

* Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)		Năm nay	Năm trước
		VND	VND
	+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.601.130.954	(5.594.922.599)
	+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.601.130.954	(5.594.922.599)
	+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	52.757.460	35.027.099
	+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	125,12	(159,73)

E **NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

1 **Chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ (VND)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.077.472.421	385.355.942.033
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.933.238.411	5.268.589.497
Cộng	67.010.710.832	390.624.531.530

	Giá trị ghi sổ (VND)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	-	6.553.000.000
Chi phí phải trả	2.412.438.809	537.683.758
Phải trả người bán, phải trả khác	50.883.782.085	51.483.942.322
Cộng	53.296.220.894	58.574.626.080

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản

7.57.2 Thông tin về các bên liên quan:

a.	Các bên liên quan	Mối quan hệ
	Ông Nguyễn Hoàng Nam	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD đến 26/07/2023
	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Thành viên HĐQT
	Ông Đinh Tuấn Anh	Thành viên HĐQT
	Ông Nguyễn Đình Duy	Thành viên HĐQT đến 27/4/2023
	Bà Lưu Hồng Huệ	Thành viên HĐQT
	Ông Nguyễn Anh Trung	Thành viên HĐQT từ 27/4/2023
	Ông Lê Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Anh Trung	Thành viên HĐQT từ 27/4/2023 Phó TGD
	Ông Nguyễn Tuấn Tú	Thành viên Ban Kiểm soát
	Ông Lương Cao Phong	Thành viên Ban Kiểm soát

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Tầng 1, 1A, 2 số 389 Đê La Thành
Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

b.	Giao dịch các bên liên quan	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
	Ông Nguyễn Hoàng Nam	-	1.723.013.698
	Lãi trái phiếu phải trả	-	111.506.849
	Tất toán gốc và lãi TP trước hạn	-	1.611.506.849
	Ông Đinh Tuấn Anh	201.074.000.000	-
	Tạm ứng	100.537.000.000	-
	Thanh toán tạm ứng	100.537.000.000	-
	Ông Nguyễn Anh Trung	10.000.000.000	-
	Tạm ứng	5.000.000.000	-
	Thanh toán tạm ứng	5.000.000.000	-
	Ông Nguyễn Tuấn Tú	31.000.000	1.054.356.164
	Lãi trái phiếu phải trả	-	77.178.082
	Tất toán Gốc + Lãi TP trước hạn	-	977.178.082
	Tạm ứng	15.500.000	-
	Thanh toán tạm ứng	15.500.000	-
	Ông Lương Cao Phong	194.028.216.000	-
	Tạm ứng	97.010.500.000	-
	Thanh toán tạm ứng	97.017.716.000	-

b. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ông Nguyễn Hoàng Nam	524.312.174	735.470.000
Ông Nguyễn Quốc Hùng	223.815.218	469.860.000
Ông Đinh Tuấn Anh	388.395.991	295.288.116
Ông Nguyễn Đình Duy	20.000.000	40.000.000
Bà Lưu Hồng Huệ	256.105.556	40.000.000
Ông Lê Văn Cường	499.944.687	417.800.000
Ông Nguyễn Anh Trung	926.797.337	433.400.928
Ông Nguyễn Tuấn Tú	423.064.179	329.881.348
Ông Lương Cao Phong	343.215.690	139.232.449

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Tầng 1, 1A, 2 số 389 Đê La Thành
Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

7.57.3 Những thông tin so sánh :

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính riêng là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2022 đã được công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

7.57.4 Thông tin về hoạt động liên tục:

Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động liên tục của Công ty.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu



Đỗ Thu Hà

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Mai Hương



Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Trung

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Tầng 1, 1A, 2 số 389 Đê La Thành Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 1

Bảng tình hình biến động giá thị trường của các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

S T T tài chính	Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm					Số đầu năm					Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này	
		SL	Giá trị theo sổ sách kế toán	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ này	CL đánh giá		Giá trị đánh giá lại	SL	Giá trị theo sổ sách kế toán	Giá trị thị trường hoặc giá trị kỳ trước	CL đánh		
					kỳ này	Chênh lệch giảm					giá kỳ trước		Chênh lệch tăng
1	FVTPL	6.707.600	67.034.700.000	66.450.718.000	(583.982.000)	66.450.718.000	8.107.606	81.034.700.000	81.216.420.000	181.720.000	81.216.420.000	(765.702.000)	
	C0												
1.	phí vào	82.600	784.700.000	200.718.000	(583.982.000)	200.718.000	82.606	784.700.000	966.420.000	181.720.000	966.420.000	(765.702.000)	
-	TST	82.600	784.700.000	200.718.000	(583.982.000)	200.718.000	82.600	784.700.000	966.420.000	181.720.000	966.420.000	(765.702.000)	
2.	CP chưa niệm yết	6.625.000	66.250.000.000	66.250.000.000		66.250.000.000	8.025.000	80.250.000.000	80.250.000.000		80.250.000.000		
-	PHA	1.700.000	17.000.000.000	17.000.000.000	-	17.000.000.000	1.700.000	17.000.000.000	17.000.000.000		17.000.000.000		
-	HGV	550.000	5.500.000.000	5.500.000.000	-	5.500.000.000	1.050.000	10.500.000.000	10.500.000.000		10.500.000.000		
-	HNH	1.275.000	12.750.000.000	12.750.000.000	-	12.750.000.000	1.275.000	12.750.000.000	12.750.000.000		12.750.000.000		
-	HMB	3.100.000	31.000.000.000	31.000.000.000	-	31.000.000.000	4.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000		40.000.000.000		
3.	Trái phiếu	40	40.000.000.000	40.000.000.000	-	40.000.000.000							
-	BIDLH23 30030	40	40.000.000.000	40.000.000.000	-	40.000.000.000							
4	Chứng chí quỹ	4.950.000	49.500.000.000	49.043.367.613	(456.632.387)	49.043.367.613							
-	PBF	4.950.000	49.500.000.000	49.043.367.613	(456.632.387)	49.043.367.613						(456.632.387)	
	TỔNG CỘNG	11.657.640	156.534.700.000	155.494.085.613	(1.040.614.387)	155.494.085.613	8.107.606	81.034.700.000	81.216.420.000	181.720.000	81.216.420.000	(1.222.334.387)	

HGV Công ty CPTMKD Hoàng gia việt nam
HNH CTCP ĐT hợp tác QTế PHN Việt Nam
HMB CTy CPĐT Hoàng Minh Bình Dương
PBF: Quý đầu tư Tăng trưởng Pacific Bridge

PHA Công ty CP Đầu tư và Thương mại Đại Thành Ph
TST Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông
BIDLH2330030 Trái phiếu Ngân hàng Đầu tư và PT Việt nam

Ghi chú: Nguyên tắc và cơ sở tham chiếu để xác định giá thị trường:

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá chứng khoán thực tế trên thị trường UPCOM được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liên kế gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch Công ty chưa xác định giá hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá thị trường. Do đó, giá thị trường được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Tầng 1, 1A, 2 số 389 Đê La Thành Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 1

Bảng tình hình biến động giá thị trường của các tài sản tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm				Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này
		Giá trị theo sổ sách kế toán	Giá trị đánh giá lại	Giá trị theo sổ sách kế toán	CL đánh giá kỳ trước		Giá trị đánh giá lại	
					Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm		
3	Tài sản tài chính đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	275.400.000.000	275.400.000.000	67.000.000.000	-	-	67.000.000.000	
	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng Công thương Việt Nam	-	-	67.000.000.000			67.000.000.000	
	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng An Bình	42.150.000.000	42.150.000.000					
	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam (VCB)	30.250.000.000	30.250.000.000					
	Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN (BIDV)	173.000.000.000	173.000.000.000					
	Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000				-	
II	Tài sản tài chính cho vay	36.087.629.124	36.087.629.124	1.391.374.998	-	-	1.391.374.998	
	Phải thu từ hoạt động UTTB CK	1.976.219.664	1.976.219.664	121.239.331			121.239.331	
	Phải thu từ hoạt động Margin	34.111.409.460	34.111.409.460	1.270.135.667			1.270.135.667	

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Tầng 1, 1A, 2 số 389 Đê La Thành Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số B09a - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 2

1. Thu nhập

7.45.1 Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán CK	ĐG giá bán (VND)	Tổng tiền bán	Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch (VND)	Lãi bán chứng khoán năm 2023 (VND)	Lỗ bán chứng khoán năm 2023 (VND)	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm 2022 (VND)
1	TSTC niêm yết	2.263.500		64.396.575.000	63.377.500.000	1.019.075.000	-	(2.938.435.000)
-	ABC	-	-	-	-	-	-	(99.330.000)
-	HKT	-	-	-	-	-	-	39.140.000
-	THI	2.263.500	28.450	64.396.575.000	63.377.500.000	1.019.075.000	-	-
-	AFX					-	-	(2.878.600.000)
-	CP khác							355.000
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	1.400.000	-	13.200.000.000	14.000.000.000	100.000.000	900.000.000	-
-	HGV	500.000,00		5.100.000.000	5.000.000.000	100.000.000	-	-
-	HMB	900.000,00		8.100.000.000	9.000.000.000		900.000.000	-
3	Trái phiếu	-	-	-	-	-	-	14.645.781
-	NVLH2123009					-	-	11.425.781
-	GLH121026							2.760.000
-	KBC121020					-		460.000
	Cộng	3.663.500		77.596.575.000	77.377.500.000	1.119.075.000	900.000.000	(2.923.789.219)